

Số: 102 /KH-MNXTH

Thanh Hưng, ngày 30 tháng 8 năm 2024

KẾ HOẠCH

NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC, GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025

A. NHỮNG CĂN CỨ

Căn cứ Thông tư số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Thông tư ban hành Điều lệ Trường mầm non;

Căn cứ vào Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư 51/20220/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2316/QĐ- UBND, ngày 14 tháng 8 năm 2024 của UBND huyện Điện Biên Quyết định Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024 -2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn huyện Điện Biên;

Căn cứ tình hình thực tế của nhà trường. Trường Mầm non Xã Thanh Hưng xây dựng kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2024 -2025 như sau:

B. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

Trường Mầm non xã Thanh Hưng luôn nhận được sự quan tâm và chỉ đạo sát sao của phòng Giáo dục Đào tạo huyện Điện Biên, được sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ban ngành, đoàn thể tại địa phương, sự ủng hộ của đông đảo các bậc phụ huynh học sinh về nhiều mặt.

Tập thể cán bộ giáo viên, nhân viên trong nhà trường có tinh thần đoàn kết, có phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống tốt. 100% CBQL và GV có trình độ chuẩn và trên chuẩn, có năng lực quản lý, nhiệt tình, năng động, sáng tạo, được sự tin nhiệm với ngành, với cha mẹ học sinh và nhân dân địa phương đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục mầm non trong giai đoạn hiện nay.

Các chế độ chính sách của Đảng, nhà nước hỗ trợ cho học sinh vùng biên giới, vùng khó khăn như: hỗ trợ chi phí học tập, miễn giảm học phí, hỗ trợ bữa ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo đã tạo điều kiện cho học sinh đến trường và đi học chuyên cần hơn.

Đa số phụ huynh tích cực phối hợp với nhà trường để xây dựng môi trường Xanh - Sạch - Đẹp- An toàn - Hạnh phúc lấy trẻ làm trung tâm và tham gia các hoạt động trải nghiệm, lễ hội của nhà trường. Trường có tiềm năng xây dựng hiệu quả cộng đồng học tập trong trường mầm non dựa trên sinh hoạt chuyên môn theo nghiên cứu bài học.

Trường đã đạt chuẩn Quốc gia mức độ 1 và trường đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

2. Khó khăn

Tuy nhiên, trong năm học 2024-2025 nhà trường gặp những khó khăn thách thức sau.

Một số công trình đã xây dựng từ lâu đang xuống cấp kinh phí để cải tạo, sửa chữa nâng cấp xây mới không có.

Trẻ nhà trẻ con hộ nghèo, cận nghèo không được hưởng các chế độ hỗ trợ của nhà nước nhưng vẫn phải nộp học phí dẫn đến việc huy động trẻ 0 -2 tuổi ra lớp đầu năm học gặp rất nhiều khó khăn.

C. KẾ HOẠCH CHĂM SÓC NUÔI DƯỠNG

I. Khối nhà trẻ 18-36 tháng

1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ (chiếm 60-70% nhu cầu cả ngày)
18 - 24 tháng	Cơm nát + Sữa mẹ	930 - 1000 Kcal	600 - 651 Kcal
24 - 36 tháng	Cơm thường		765-893

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Hai bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

+ *Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.

- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

II. Khối mẫu giáo

1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*

+ *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.
- + *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.
- + *Tỉ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*
- Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.
- Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.
- Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.
- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.
- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lí rác, nước thải.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

D. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC NĂM HỌC:

(Có Mục tiêu các khối lớp kèm theo)

Trên đây là kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục năm học 2024 -2025 của trường Mầm non xã Thanh Hưng./.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu (để chỉ đạo thực hiện);
- Các tổ chuyên môn, tổ VP, giáo viên, nhân viên nhà trường (để thực hiện);
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nga

I. Chương trình giáo dục khối nhà trẻ**1. Nhà trẻ 18-24 tháng**

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh bổ sung
	Mục tiêu		
I. Lĩnh vực phát triển thể chất			
1	- Trẻ biết bắt chước một số động tác theo cô: Giơ tay lên cao - đưa về phía trước - sang ngang.	- Hô hấp: Tập hít thở. - Tay: + 2 tay giơ cao, hạ xuống + 2 tay đưa phía trước, hạ xuống + 2 tay đưa sang ngang, hạ xuống + 2 tay đưa ra sau, hạ xuống - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước, đứng thẳng người lên + Nghiêng người sang 2 bên - Chân: + Dạng sang 2 bên + Ngồi xuống, đứng lên	
2	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8-2 m	- Tập đi, chạy: + Đi theo hướng thẳng + Đi trong đường hẹp + Đi bước qua vật cản. + Đi theo hiệu lệnh + Đi bước qua gậy + Đi có mang vật trên tay - Tập bước lên, xuống bậc thang	
3	- Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Biết lăn - bắt bóng với cô	- Ngồi lăn bóng: + Lăn bóng với cô + Lăn bóng qua cổng	
4	- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.	- Tập bò, trườn: + Bò, trườn tới đích + Bò về phía trước + Bò về phía trước có mang vật trên lưng + Bò, trườn đến vật chuẩn + Bò chui (dưới dây/gậy kê cao) + Bò chui qua cổng	
5	- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2 m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5 m.	- Tập tung, ném: + Ném bóng bằng 1 tay + Tung bóng qua dây + Đá bóng lăn xa lên trước 1,5m.	
6	- Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật.	

		- Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.	
7	- Trẻ biết tháo lắp, lồng được 3-4 hộp tròn.	- Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Đóng mở nắp có ren.	
8	- Trẻ xếp chồng được 2- 3 khối trụ	- Xếp chồng 4 - 5 khối.	
9	- Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.	
10	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Làm quen chế độ ngủ 1 giấc.	
11	- Trẻ biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh	- Tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.	
12	- Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh. - Làm quen với rửa tay, lau mặt.	
13	- Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	
14	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (Sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	
II. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
15	- Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. - Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh - Ném vị 1 số loại quả, thức ăn - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh - Ngửi mùi của 1 số hoa, quả quen thuộc, gần gũi.	
16	- Trẻ biết bắt chước hành động đơn giản của những người thân	- Hình ảnh của bản thân trong gương.	
17	- Trẻ biết chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên của bản thân - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp.	
18	- Trẻ biết chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận trên cơ thể của	- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân	

	người khi được hỏi.		
19	- Trẻ biết chỉ / lấy / nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ chơi, đồ dùng của bản thân. - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc. - Tên của phương tiện giao thông gần gũi	
20	- Trẻ biết chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	- Màu đỏ, xanh, vàng - Kích thước to - nhỏ.	
III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
21	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay....	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.	
22	- Trẻ hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “không được lấy!”, “không được sờ!”...	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.	
23	- Trẻ biết trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”, “con gì đây?”, “cái gì đây?”.....	- Nghe các câu hỏi: “ Ở đâu?”; “Con gì?”; “... thế nào?” (“Gà gáy thế nào?”); “ Cái gì?”; “ Làm gì?”. - Trả lời và đặt câu hỏi: “con gì?”; “ Cái gì?”; “ Làm gì?”.	
24	- Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: Con vịt, vịt bơi, bé đi chơi...	- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. - Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.	
25	- Trẻ đọc tiếp được tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ. - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.	
26	- Trẻ nói được câu đơn 2-3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm...	- Phát âm các âm khác nhau.	
27	- Trẻ biết chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...)	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	
IV. Lĩnh vực Phát triển tình cảm KNXH và TM			
28	- Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	- Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân.	
	- Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp	- Giao tiếp với cô và bạn.	

29	bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.		
30	- Trẻ cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.	
31	- Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.	- Quan tâm đến các vật nuôi.	
32	- Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.	
33	- Trẻ biết bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	
34	- Trẻ biết làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của người lớn.	
35	- Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...).	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.	
36	- Trẻ thích vẽ, thích xem tranh.	- Tập cầm bút vẽ. - Xem tranh	

2. Nhà trẻ 24-26 tháng

TT	Mục tiêu giáo dục	Nội dung giáo dục	Điều chỉnh bổ sung
	Mục tiêu		
III. Lĩnh vực phát triển thể chất			
1	<p>* Trẻ thực hiện được động tác phát triển các nhóm cơ hô hấp:</p> <p>- Trẻ biết bắt chước một số động tác theo cô: Giơ tay lên cao - đưa về phía trước - sang ngang.</p>	<p>- Hô hấp: Tập hít thở.</p> <p>- Tay:</p> <ul style="list-style-type: none"> + 2 tay giơ cao, hạ xuống + 2 tay đưa phía trước, hạ xuống + 2 tay đưa sang ngang, hạ xuống + 2 tay đưa ra sau, hạ xuống <p>- Lung, bụng, lườn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước, đứng thẳng người lên + Nghiêng người sang 2 bên <p>- Chân:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Dạng sang 2 bên + Ngồi xuống, đứng lên 	
2	<p>* Trẻ thực hiện được các vận động cơ bản và phát triển tổ chức vận động ban đầu;</p> <p>- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi theo đường thẳng (ở trên sàn) hoặc cầm đồ vật nhỏ trên hai tay và đi hết đoạn đường 1,8-2 m</p>	<p>- Tập đi, chạy:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đi theo hướng thẳng + Đi trong đường hẹp + Đi bước qua vật cản. + Đi theo hiệu lệnh + Đi bước qua gậy + Đi có mang vật trên tay <p>- Tập bước lên, xuống bậc thang</p>	
3	<p>- Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: Biết lăn - bắt bóng với cô</p>	<p>- Ngồi lăn bóng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Lăn bóng với cô + Lăn bóng qua cổng 	
4	<p>- Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong bò, trườn chui qua vòng, qua vật cản.</p>	<p>- Tập bò, trườn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Bò, trườn tới đích + Bò về phía trước + Bò về phía trước có mang vật trên lưng + Bò, trườn đến vật chuẩn + Bò chui (dưới dây/gậy kê cao) + Bò chui qua cổng 	
5	<p>- Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: Ném bằng một tay lên phía trước được khoảng 1,2 m; đá bóng lăn xa lên trước tối thiểu 1,5 m.</p>	<p>- Tập tung, ném:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ném bóng bằng 1 tay + Tung bóng qua dây + Đá bóng lăn xa lên trước 1,5m. 	
6	<p>* Trẻ thực hiện được các vận động cử động của bàn tay ngón tay ;</p> <p>- Trẻ nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay.</p>	<p>- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay.</p> <p>- Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật.</p> <p>- Vạch các nét nguệch ngoạc bằng ngón tay.</p>	

7	- Trẻ biết tháo lắp, lồng được 3- 4 hộp tròn.	- Tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông. - Đóng mở nắp có ren.	
8	- Trẻ xếp chồng được 2- 3 khối trụ	- Xếp chồng 4 - 5 khối.	
9	<i>* Trẻ có một số nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt;</i> - Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, có thể ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.	
10	- Trẻ ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Làm quen chế độ ngủ 1 giấc.	
11	- Trẻ biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh	- Tập một số thói quen vệ sinh tốt: + Rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. + “Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn.	
12	<i>* Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe;</i> - Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (ngồi vào bàn ăn, cầm thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước).	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc. - Tập ngồi vào bàn ăn. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu vệ sinh. - Làm quen với rửa tay, lau mặt.	
13	<i>* Trẻ nhận biết được và biết tránh một số nguy cơ không an toàn;</i> - Trẻ biết tránh vật dụng, nơi nguy hiểm (phích nước nóng, bàn là, bếp đang đun...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.	
14	- Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (Sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn, ghế...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	
IV. Lĩnh vực phát triển nhận thức			
15	<i>* Trẻ thích khám phá thế giới xung quanh bằng các giác quan.</i> - Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe... để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu. - Nghe âm thanh và tìm nơi phát ra âm thanh - Ném vị 1 số loại quả, thức ăn - Sờ nắn, lắc, gõ đồ chơi và nghe âm thanh - Ngửi mùi của 1 số hoa, quả quen thuộc, gần gũi.	
16	<i>* Trẻ biết thể hiện sự hiểu biết và các sự vật hiện tượng gần gũi bằng các cử chỉ, lời nói;</i> - Trẻ biết bắt chước hành động đơn giản của những người thân	- Hình ảnh của bản thân trong gương.	
	- Trẻ biết chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên của bản thân - Tên của một số người thân gần gũi trong gia đình, nhóm lớp.	

17			
18	- Trẻ biết chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận trên cơ thể của người khi được hỏi.	- Tên một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.	
19	- Trẻ biết chỉ / lấy / nói tên đồ dùng, đồ chơi, hoa quả, con vật quen thuộc theo yêu cầu của người lớn.	- Tên, đặc điểm nổi bật của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ chơi, đồ dùng của bản thân. - Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, quả quen thuộc. - Tên của phương tiện giao thông gần gũi.	
20	- Trẻ biết chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu cầu hoặc gợi ý của người lớn.	- Màu đỏ, xanh, vàng. - Kích thước to - nhỏ.	
III. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ			
21	<i>Trẻ nghe hiểu lời nói:</i> - Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: đi đến đây; đi rửa tay....	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau.	
22	- Trẻ hiểu được từ “không”: dừng hành động khi nghe “không được lấy!”, “không được sờ!”...	- Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói.	
23	- Trẻ biết trả lời được câu hỏi đơn giản: “Ai đây?”, “con gì đây?”, “cái gì đây?”.....	- Nghe các câu hỏi: “ Ở đâu?”; “Con gì?”; “... thế nào?” (“Gà gáy thế nào?"); “ Cái gì?”; “ Làm gì?”. - Trả lời và đặt câu hỏi: “con gì?”; “ Cái gì?”; “ Làm gì?”.	
24	<i>* Trẻ biết được nghe, nhắc lại các âm, các tiếng và các câu;</i> - Trẻ nhắc lại được từ ngữ và câu ngắn: Con vịt, vịt bơi, bé đi chơi...	- Gọi tên các đồ vật, con vật, hành động gần gũi. - Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.	
25	- Trẻ đọc tiếp được tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ quen thuộc.	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ. - Nghe các bài hát, bài thơ, đồng dao, ca dao, truyện kể đơn giản theo tranh.	
26	<i>* Trẻ biết sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp;</i> - Trẻ nói được câu đơn 2-3 tiếng: con đi chơi; bóng đá; mẹ đi làm...	- Phát âm các âm khác nhau.	

27	- Trẻ biết chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân (cháu uống nước, cháu muốn...)	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn của mình bằng câu đơn giản.	
IV. Lĩnh vực phát triển TCKNXH và thẩm mỹ			
28	* Trẻ biết biểu lộ sự nhận thức về bản thân; - Trẻ nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi).	- Nhận biết tên gọi, hình ảnh bản thân.	
29	* Trẻ nhận biết được và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi; - Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp bằng cử chỉ, lời nói với những người gần gũi.	- Giao tiếp với cô và bạn.	
30	- Trẻ cảm nhận và biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh.	- Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh.	
31	- Trẻ thích chơi với đồ chơi, có đồ chơi yêu thích và quan sát một số con vật.	- Quan tâm đến các vật nuôi.	
32	* Trẻ thực hiện được một số hành vi xã hội đơn giản; - Trẻ biết chào tạm biệt khi được nhắc nhở.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp, như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ạ”, “dạ”.	
33	- Trẻ biết bắt chước được một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...).	- Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	
34	- Trẻ biết làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của người lớn.	
35	* Trẻ biết thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc / Tô màu, vẽ nặn, xếp hình, xem tranh; - Trẻ thích nghe hát và vận động theo nhạc (giậm chân, lắc lư, vỗ tay...).	- Nghe hát, nghe nhạc, nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát theo và tập vận động đơn giản theo nhạc.	
36	- Trẻ thích vẽ, thích xem tranh.	- Tập cầm bút vẽ. - Xem tranh.	

II. Chương trình giáo dục khối mẫu giáo

1. Khối mẫu giáo bé

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong CD	Điều chỉnh
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
a. Phát triển vận động				
1	Trẻ có thể thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào thở ra - Tay: + Đưa 2 tay lên cao ra phía trước, sang ngang + Co và duỗi tay + Bắt chéo 2 tay trước ngực. + Hai cánh tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao + Từng tay đưa lên cao, hai tay dang ngang - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay người sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải. + Cúi về phía trước, ngả người ra sau - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân + Đứng khuyu + Đứng nâng cao chân, gập gối + Bật tách - chụm chân tại chỗ 	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	
2	Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: <ul style="list-style-type: none"> - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiễng gót liên tục 3m - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trong đường hẹp (3m x 0,2m) - Đi kiễng gót liên tục 3m - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát 	3, 4, 8	
3	Trẻ có thể kiểm soát được vận động <ul style="list-style-type: none"> - Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Chạy liên tục trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường dích dắc. 	1, 2 5, 6, 9	

4	<p>Trẻ biết phối hợp tay- mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). - Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18 cm). 	<ul style="list-style-type: none"> - Tung bắt bóng với cô - Lăn bóng với cô - Đập và bắt bóng 	1, 4, 9	
5	<p>Trẻ thể hiện được nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng. - Ném trúng đích ngang xa 1.5m - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không chệch ra ngoài. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng - Ném trúng đích bằng 1 tay - Tung, ném, bắt: <ul style="list-style-type: none"> + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay + Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc + Ném trúng đích ngang xa 1.5m - Bật, nhảy: <ul style="list-style-type: none"> + Bật tại chỗ + Bật về phía trước + Bật xa 20-25 cm - Bò, trèo, trườn: <ul style="list-style-type: none"> + Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) + Bò, trườn theo hướng thẳng + Bò chui qua cổng + Bò theo đường đích dắc + Trườn về phía trước + Trườn chui dưới cổng + Bước lên xuống bục cao (cao 30cm) 	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	
6	<p>Trẻ biết thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau. 	<ul style="list-style-type: none"> - Xoay tròn cổ tay - Gập, đan ngón tay vào nhau - Đan, tết 	1 2	
7	<p>Trẻ biết phối hợp cử động bàn tay, ngón tay và 1 số kỹ năng trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được một đoạn 10 cm. - Xếp chồng được 8 - 10 khối không đổ. - Tự cài, cởi cúc. - Xâu luồn 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng bút: Vẽ được hình tròn theo mẫu - Tô vẽ nguyệt xích ngoạc - Sử dụng kéo, bút - Xé dán giấy - Xếp chồng được các hình khối khác nhau - Cài, cởi cúc. - Xâu luồn dây giày 	1, 2, 3, 5, 7, 8, 9	

b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe

8	Trẻ có thể nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...).	- Nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc, - Nhận biết một số món ăn truyền thống của dân tộc	1, 2 4	
9	Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau..	(rau củ quả gần gũi với địa phương), một số món ăn quen thuộc của dân tộc	6,7	
10	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau;	Thái - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất. (không kén chọn thức ăn) - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) <i>-Nhu cầu của bản thân và sử dụng thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí</i> <i>- Tiết kiệm, ăn hết xuất</i>		
11	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: - Rửa tay, lau mặt, súc miệng. - Tháo tất, cởi quần, áo ...	- Làm quen với cách đánh răng, lau mặt - Tập rửa tay bằng xà phòng - Tập luyện một số thói quen tốt và giữ gìn sức khỏe. <i>- Tiết kiệm nước</i>	1, 2 5, 6	
12	Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	3	
13	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: uống nước đã đun sôi...	- Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với khỏe con người.	3, 5, 6, 9	
14	Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: - Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. - Trẻ biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	Nhận biết trang phục theo thời tiết, món ăn không đảm bảo vệ sinh. (Nhận biết theo thời tiết của địa phương, mặc trang phục của dân tộc kinh, thái, phù hợp với thời tiết) - Nhận biết 1 số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. <i>- Bảo vệ sức khoẻ, an toàn khi có thời tiết thay đổi hay hiện tượng thời tiết bất thường.</i>	1, 2, 4, 8	
15	Trẻ nhận ra và biết tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng ...) khi được nhắc nhở. <i>Trẻ nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo</i>	- Phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. (Kỹ năng ứng phó phù hợp với trước, trong và sau thiên tai có ở địa phương	1, 2,	

	<i>động cháy.</i>	- Không đi theo người lạ, không nhận quà của người lạ khi chưa được người lớn cho phép <i>- Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.</i>	3, 4, 6, 7, 8, 9	
16	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (hồ, ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi ...) khi được nhắc nhở.			
17	Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.			
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
a) Khám phá khoa học				
18	Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng theo chủ đề: <i>Phù hợp với bối cảnh của địa phương</i>	7, 8	
19	Trẻ có khả năng sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng;	- Chức năng của các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc <i>- Mối quan hệ của thực vật, với BDKH và thiên tai.</i> <i>+ Ảnh hưởng của thiên tai đối với thực vật</i> - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi.	2, 5, 6	
20	Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. VD: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi....	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	
21	Trẻ có khả năng thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày.	8	
22	Trẻ có khả năng phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng, cách sử dụng đồ dùng đồ chơi của lớp.	1, 3	

23	Trẻ có thể nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> - Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây. - <i>Sự ô nhiễm nguồn nước</i> - <i>Cách bảo vệ nguồn nước</i> - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. - <i>Tên gọi, dấu hiệu rõ nét các loại thiên tai thường xảy ra ở địa phương, hậu quả và cách ứng xử khi có thiên tai.</i> - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày. - Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. 	5, 6, 8	
24	Trẻ có thể mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc.	7	
25	Trẻ biết thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình	- Thể hiện một số điều quan sát được thông qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình	1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9	
B. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán				
26	Trẻ biết quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	<ul style="list-style-type: none"> - Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng. - 1 và nhiều 	1, 4	
27	- Trẻ biết đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng	4, 5, 7, 8	
28	- Trẻ biết so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	3	
29	- Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm	4, 6, 7, 9	
30	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.	4, 6, 7, 9	

31	Sắp xếp theo quy tắc: Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Xếp xen kẽ	7	
32	Trẻ biết so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	- So sánh 2 đối tượng về kích thước.	5, 6	
33	Trẻ biết nhận dạng và gọi tên các hình: tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. - Sử dụng các hình hình học để chấp ghép.	3, 4, 7	
34	Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân.	2	
C. Khám phá xã hội				
35	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân	2	
36	Trẻ nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình.	- Tên của bố mẹ, các thành viên trong gia đình. - <i>Hoạt động sinh hoạt của gia đình, phòng, chống thiên tai của gia đình.</i>	3	
37	Trẻ nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.			
38	Trẻ nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Tên trường, lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. - Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường	1	
39	Trẻ biết kể tên và nói được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng... khi được hỏi, xem tranh.	- Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương như: nghề dệt thổ cẩm, đan mây tre, đặc sản địa phương: gạo tám thơm, sésng cù, nhà sàn....	4	
40	Trẻ biết kể tên một số lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.	- Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương: (lễ hội của dân tộc Thái, lễ hội hoa ban, ngày 7/5, Di tích Lịch sử: Đồi A1, Hàm Đờ Cát, Bảo Tàng, tượng Đài Chiến Thắng....	1, 3, 4, 6, 7, 9	
41	Trẻ biết kể tên một vài danh lam, thắng cảnh ở địa phương. (cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn, trò chơi dân gian, bài hát dân ca, nhà ở...) của quê hương Điện Biên.	- <i>Yêu quý, bảo vệ danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử</i>		

3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ

42	Trẻ hiểu được lời nói và thực hiện được yêu cầu đơn giản. VD: (Cháu hãy lấy quả hồng ném vào rổ).	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.	1, 6, 7	
43	Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả... (đồ dùng vật dụng gần gũi trong gia đình, ở địa phương...)	(đồ dùng vật dụng gần gũi trong gia đình, ở địa phương). - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng.	5, 8	
44	Trẻ biết lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	- <i>Vâng lời người lớn, không đi chơi xa</i>	3, 4	
45	Trẻ nói rõ các tiếng. Trẻ dân tộc sử dụng ngôn ngữ bằng tiếng Việt - Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng được tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt. - Trẻ dân tộc phát âm rõ bằng tiếng Việt.	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
46	Trẻ sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép. - Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ) chấp hành đúng quy định giao thông	1,5,7	
47	Trẻ biết sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.	8	
48	Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..	- Kể lại sự việc.	3,9	
49	Trẻ biết đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. (gần gũi và của địa phương) - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
50	Trẻ có thể kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. Trẻ dân tộc có thể kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	- Kể lại một vài tình tiết của câu chuyện đã được nghe. - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - <i>Đoàn kết, giúp đỡ bạn</i> - Trẻ dân tộc kể lại một vài tình tiết của câu chuyện đã được nghe.	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
51	Trẻ có thể bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	- Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.	7	
52	Trẻ biết sử dụng các từ vâng ạ, dạ, thưa, ... trong giao tiếp.	- Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào?	4	

53	Trẻ biết nói đủ nghe, không nói lí nhí.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	2	
54	Trẻ biết đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giờ sách xem tranh.	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện. - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - <i>Giữ gìn tranh ảnh, sách vở</i>	2, 5, 6, 8, 9	
55	Trẻ biết nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện. - Giữ gìn sách	3,4	
56	Trẻ thích vẽ, viết nguệch ngoạc.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu.	7, 8, 9	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội				
57	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân	- Tên, tuổi, giới tính của bản thân	2	
58	Trẻ nói được điều bé thích, không thích	- Những điều bé thích, không thích.	2	
59	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ giọng nói; trò chơi; hát, vận động.	2,8	
60	Trẻ biết cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi,...).	Một số quy định của lớp (đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) - <i>Biết giữ gìn đồ dùng đồ chơi của lớp</i>	1,7	
61	Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ giọng nói.	7	
62	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận		2	
63	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ. - Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội, của quê hương, đất nước: Đồi A1, Hàm Đờ Cát, Bảo tàng, tượng Đài Chiến Thắng; Lễ hội Hoa ban, Lễ Hội Đèn Hoàng Công Chất..	9	
64	Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.			
65	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: sau khi chơi xếp cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	- Một số quy định của gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) - <i>Biết giữ gìn đồ dùng đồ chơi, đồ dùng trong gia đình</i>	3	
66	Trẻ biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở...	- Cử chỉ lễ phép (chào hỏi, cảm ơn) - Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.	1,3	

67	Trẻ biết chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Nhận biết hành vi đúng -sai, tốt -xấu. - Tiết kiệm điện, nước	8	
68	Trẻ cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ	- Chơi hoà thuận với bạn - Chờ đến lượt. - <i>Đoàn kết, giúp đỡ bạn</i>	2,4,7	
69	Trẻ quan tâm đến môi trường: Trẻ biết quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối., - Giữ gìn vệ sinh môi trường.	5,6	
70	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định		4,6,8	
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ				
71	Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gọi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật	9	
72	Trẻ biết chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, thích nghe đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện	- Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc dân tộc của địa phương dân tộc thái...)	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
73	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Vui sướng, chỉ, sờ ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (màu sắc, hình dáng) của các tác phẩm tạo hình	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
74	Trẻ có một số kỹ năng hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát.	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
75	Trẻ có một số kỹ vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh hoạ).	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
76	Trẻ có một số kỹ năng sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	7,9	
77	Trẻ có một số kỹ năng vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản.	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
78	Trẻ có một số kỹ năng xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản. - <i>Trẻ tiết kiệm giấy và giữ gìn sản phẩm làm ra</i>	2,3,4, 6,7,9	
79	Trẻ có một số kỹ năng lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	- Sử dụng một số kỹ năng nặn tạo ra sản phẩm đơn giản.	1,3,4, 6	
80	Trẻ có một số kỹ năng xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các	- Sử dụng một số kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản.	4,5,6	

	sản phẩm có cấu trúc đơn giản.			
81	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình	1,2,3, 5,6,7, 8,9	
82	Trẻ biết vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	8,9	
83	Trẻ biết tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích	4,7,9	
84	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	3,9	

2. Khối mẫu giáo Nhỡ

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực thể chất				
1	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	<ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: <ul style="list-style-type: none"> + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay). + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). - Lưng, bụng, lườn: <ul style="list-style-type: none"> + Cúi về phía trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: <ul style="list-style-type: none"> + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng, lần lượt từng chân co cao đầu gối. 	1,2,3,4, 5,6,7,8, 9	
2	Trẻ có khả năng giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: <ul style="list-style-type: none"> - Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m. 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trên ghế thể dục. Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn - Đi bằng gót chân đi khuyu gối, đi lùi. - Bật liên tục về phía trước- Bật xa 35 - 40cm. - Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10 - 15cm. - Nhảy lò cò 3m. 	- 1, 3, 4, 5, 6, 7,8 9	
3	Trẻ kiểm soát được vận động: Đi/ chạy thay đổi	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh đích đặc (đổi hướng) theo vật	2, 5, 6.	

	hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4 – 5 vật chuẩn đặt đích đặc).	chuẩn.		
4	Trẻ có khả năng phối hợp tay- mắt trong vận động: - Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). - Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). - Tự đập bắt bóng được 4-5 lần liên tiếp.	- Tung bóng lên cao và bắt - Tung bắt bóng với người đối diện. - Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân. - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Đập và bắt bóng tại chỗ.	1, 4,5, 6,8	
5	Trẻ thể hiện được nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15 m trong 10 giây. - Ném trúng đích ngang (xa 2 m). - Bò trong đường đích đặc (3 - 4 điểm đích đặc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây. - Chạy chậm 60-80m. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Bò bằng bàn tay và bàn chân 3-4m. - Bò đích đặc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2m x 0,6m. - Trườn theo hướng thẳng. - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. - Trèo lên, xuống 5 gióng thang.	1,2,3,4, 6, 7, 8, 9	
6	Trẻ thực hiện được các vận động: - Cuộn - xoay tròn cổ tay - Gập, mở, các ngón tay	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nổi ... - Gập giấy.	1 2	
7	Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt và có kỹ năng trong hoạt động: - Vẽ hình người, nhà, cây. - Cắt thành thạo theo đường thẳng. - Xây dựng, lắp ráp với 10 - 12 khối. - Biết tết sợi đôi - Tự cài, cởi cúc, buộc khâu, luồn dây giày.	- Tô, vẽ hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Lắp ghép hình. - Phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong hoạt động tết sợi đôi. - Cài, cởi cúc, buộc , khâu, luồn dây. - Đan nóng mốt	3,4,6, 7,8	
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
8	Trẻ biết một số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá, ...có nhiều chất	- Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng).	2, 5, 6	

	<p>đạm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Rau, quả chín có nhiều vitamin. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. 		
9	<p>Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn, một số thực phẩm, món ăn của địa phương (một số món ăn của dân tộc Thái: khẩu sến, nẹp sườn, thịt sấy...) 	2, 5	
10	<p>Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. không kén chọn thức ăn - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). - <i>Nhu cầu của bản thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí.</i> 	2, 7	
11	<p>Trẻ thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn 	<ul style="list-style-type: none"> - Rèn luyện thao tác rửa tay bằng xà phòng. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể - <i>Tiết kiệm nước, giữ gìn vệ sinh thân thể</i> 	1	
12	<p>Trẻ biết tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. 	4	
13	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. - Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... - Không được uống nước lã. 	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhu cầu của bản thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí.</i> - <i>Ăn uống đầy đủ chất, ăn hết suất</i> 	6	
14	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh. đi dép giầy khi đi học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập đánh răng, lau mặt. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - <i>Bảo vệ sức khỏe, an toàn khi có thời tiết thay đổi hay hiện tượng thời tiết bất thường.</i> 	8,9	

	<ul style="list-style-type: none"> - Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Biết bỏ rác đúng nơi qui định. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh môi trường đối với sức khoẻ con người. - <i>Giữ gìn vệ sinh môi trường</i> 		
15	<p>Trẻ nhận ra được bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch</p> <p><i>Trẻ nhận biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - <i>Nhận biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy, nổ</i> 	3	
16	<p>Trẻ nhận ra được những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.</p> <p><i>Trẻ nhận biết các tín hiệu, PT báo động cháy, và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn. - <i>Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy, và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy</i> 	8	
17	<p><i>Trẻ biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt, và một số sự cố có thể gây cháy, nổ</i></p> <p>Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Trẻ biết không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu, bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Trẻ biết không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo. 	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt, và một số sự cố có thể gây cháy, nổ</i> - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng. (Kỹ năng ứng phó phù hợp với trước, trong và sau thiên tai có ở địa phương) - Không đi theo người lạ, không nhận quà của người lạ khi chưa được người lớn cho phép 	6,7	
18	<p>Trẻ nhận ra được một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ:</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. 	3, 9	

	<ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu. - Trẻ biết gọi người giúp đỡ khi bị lạc. Nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết. 			
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
a, Khám phá khoa học				
19	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị úớt?.... 	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - <i>Mối quan hệ của động vật với BDKH và thiên tai: ô nhiễm môi trường, xáo trộn môi trường sống, thiếu nước giảm nguồn thức ăn, không còn nơi cư trú, chết một số loài động vật, dịch bệnh.</i> 	5, 6,8	
20	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - <i>Giữ gìn các bộ phận trên cơ thể</i> - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông - <i>Ảnh hưởng của thiên tai đối với các hoạt động phương tiện giao thông.</i> - <i>Ảnh hưởng của các PTGT đối với môi trường</i> - Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi ở địa phương, ích lợi và tác hại đối với con người. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây. 	1,2, 3, 5, 6,7	
21	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh. 	<ul style="list-style-type: none"> - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người ở Điện Biên (mưa đá, động đất, lốc, hạn hán...). - <i>Tên gọi, nhận biết, xác định dấu hiệu đặc trưng của các loại thiên tai thường xảy ra ở địa phương, hậu quả và cách ứng xử khi có thiên tai.</i> 	1->9	
22	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện. 	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Quá trình hình thành và xuất hiện các hiện tượng tự nhiên (Sấm sét, mưa rào, gió bão)</i> - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - Các nguồn nước trong môi trường 	8	

		<p>sông (sông, suối, ao, hồ...)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. 		
23	- Trẻ có khả năng phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	<ul style="list-style-type: none"> - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. - Phân loại một số phương tiện giao thông theo 1 - 2 dấu hiệu. 	1, 3, 5, 6, 7	
24	- Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn”	- Một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi.	8	
25	- Trẻ biết sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản, Ví dụ: làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	1, 3, 7	
26	- Trẻ biết nhận xét trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	<ul style="list-style-type: none"> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả. 	1, 3, 5, 6	
27	- Trẻ biết thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, AN và tạo hình.	Thông qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	2, 5, 7, 8, 9	
b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán				
28	- Trẻ biết quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: Bao nhiêu? là số mấy?...		1, 2, 4, 6, 7, 8, 9	
29	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.		
30	- Trẻ biết so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn. Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi.	1, 2, 4, 6, 7, 8, 9	
31	- Trẻ biết gộp hai nhóm đối	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm.	3, 5, 6	

	tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói kết quả.	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn.		
32	- Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.			
33	- Trẻ sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5.	1, 2, 4, 6.	
34	- Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (số nhà, biển số xe,..).	- 3,7	
35	- Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại.	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.	4	
36	- Trẻ sử dụng dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	- Đo độ dài một vật bằng một đơn vị đo. - Đo dung tích bằng một đơn vị đo .	8, 9	
37	- Trẻ biết chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật,...)	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.	6	
38	- Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	- Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.	7	
39	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái).	2,3	
40	- Trẻ biết mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	- Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối.	8	
c) Khám phá xã hội				
41	- Trẻ nói được họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân.	2	
42	- Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình: (Gia đình dân tộc Thái, một số trang phục người dân tộc Thái: áo côm, khăn piêu...).	3	
43	- Trẻ nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm, bản) khi được hỏi, trò chuyện.	- Nói được địa chỉ của gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm). - <i>Hoạt động sinh hoạt của gia đình hướng đến bảo vệ môi trường, hạn</i>		

		<p><i>chế BDKH.</i></p> <p><i>- Hoạt động phòng, chống thiên tai của gia đình.</i></p> <p><i>- Kính trọng ông bà cha mẹ, Giúp đỡ ông bà bố mẹ những công việc nhỏ vừa sức</i></p>		
44	- Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	<p>Tên, địa chỉ của trường lớp.</p> <p><i>- Khu vực an toàn của trường học.</i></p> <p><i>- Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường.</i></p>	1	
45	- Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	<p>Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường.</p> <p><i>- Kính trọng, lễ phép với thầy cô giáo, các cô bác trong trường MN</i></p>	1	
46	- Trẻ nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường.	1	
47	- Trẻ biết kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ích lợi... của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện	Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương; Sản phẩm đặc sản của địa phương: vải thổ cẩm, gạo tám thơm, sésng cù, nếp cẩm...	4	
48	- Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương (tên ý nghĩa một số ngày lễ hội, nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương).	<p>- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương của địa phương, ngày giải phóng Điện Biên 7/5, lễ hội hoa ban, di tích, đồi A1, bảo tàng chiến thắng ĐBP, ...</p> <p><i>- Kính trọng nhớ ơn các thầy cô giáo. Yêu quý các chú bộ đội</i></p>	1, 3,4,6, 7, 9	
49	- Trẻ kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương.	<p>Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh của quê hương.</p> <p><i>- Trẻ có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và cảnh giác với các hiện tượng thiên tai có thể xảy ra.</i></p> <p><i>- Trẻ tự hào, yêu quê hương đất nước.</i></p>	9	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
50	- Trẻ thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu.	4	
51	- Trẻ hiểu được nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ...	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	4,5,6	

52	- Trẻ biết lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.	- Trả lời và đặt các câu hỏi: "Để làm gì?".	1,2,3,4,5 ,6,7,8,9	
53	- Trẻ nói rõ để người nghe có thể hiểu được. + Trẻ dân tộc nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có chứa các âm khó. - Trả lời và đặt các câu hỏi: ai? cái gì? ở đâu? khi nào? để làm gì?.	5	
54	- Trẻ sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,...	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.	1	
55	- Trẻ sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu ghép.	9	
56	- Trẻ biết kể lại sự việc theo trình tự.	- Kể lại sự việc có nhiều tình tiết.	9	
57	- Trẻ đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. gần gũi và của địa phương phù hợp với độ tuổi. - <i>Giúp đỡ mọi người xung quanh những việc vừa sức</i>	1,2,3,4,5 ,6,7,8,9	
58	- Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	- Kể lại truyện đã được nghe.	- 1,2,3,4,5,6 ,7,8,9	
59	- Trẻ biết bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện	- Đóng kịch.	5	
60	- Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	1	
61	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	2	
62	- Trẻ biết chọn sách để xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau.	2	
63	- Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	7	
64	- Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giữ từng trang để xem tranh ảnh. "đọc" sách theo tranh minh họa ("đọc vẹt").	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt - Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. - Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách.	4	
65	- Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ	1,7	

	vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm,..	sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)		
66	- Trẻ biết sử dụng kí hiệu để “viết”: tên, làm vé tàu, thiệp chúc mừng,..	- Nhận dạng được 10-15 chữ cái. - Tập tô, tập đồ các nét chữ, cho trẻ làm quen với một số nét chữ cơ bản	1,2,3,4,5 6,7,8,9	
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội				
67	Trẻ biết thể hiện ý thức về bản thân, <i>biết coi trọng bản thân</i> : Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	- Tên, tuổi, giới tính.	2	
68	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân.	2	
69	Trẻ thể hiện sự tự tin: biết tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.		1	
70	Trẻ biết thể hiện sự tự lực: biết cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).	- <i>Để đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định.</i>	5	
71	Trẻ nhận biết được cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.	2	
72	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên. <i>Thể hiện và kiểm soát cảm xúc của bản thân, chế ngự hành vi cá nhân tiêu cực, đồng cảm</i>	- Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; hát, vận động.	4	
73	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ.	9	
74	Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.			
75	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn, trò chơi dân gian, bài hát dân ca, nhà ở...) của quê hương Điện Biên,	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước di tích, đồi A1, tượng đài chiến thắng, Hàm Đờ cát...)	9	

76	- Trẻ biết thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	- Một số quy định ở lớp, gia đình (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường). - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	1,3,7	
77	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép, <i>khiêm tốn, giản dị, trung thực</i>	- Lắng nghe, <i>chấp nhận chính kiến</i> , ý kiến của người khác, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép, <i>khiêm tốn, giản dị, trung thực</i>	4	
78	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói. <i>Chấp nhận chính kiến của người khác</i>		7	
79	- Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	- Chờ đến lượt, hợp tác.	7	
80	- Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung. <i>Trách nhiệm, khoan dung, đoàn kết, kỹ năng kiểm soát cảm xúc của bản thân</i> (chơi, trực nhật ...).	- Quan tâm, giúp đỡ bạn, có <i>trách nhiệm, khoan dung, đoàn kết, kỹ năng kiểm soát cảm xúc của bản thân</i> - <i>Giúp đỡ bạn yếu hơn mình, biết vui chơi đoàn kết, yêu thương, chia sẻ, giúp đỡ bạn, giữ lớp học sạch sẽ, gọn gàng, ngăn nắp.</i>	4	
81	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc. <i>Nhận biết, thái độ và hành vi bảo vệ môi trường</i>	- Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối. - <i>Nhận biết, thái độ và hành vi bảo vệ chăm sóc các con vật và cây cối, môi trường</i>	5,6	
82	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.(không nuôi gia súc, gia cầm ở gầm sàn,).	4	
83	- Trẻ không được bẻ cành, bứt hoa.	- Phân biệt hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.	6	
84	- Trẻ không được để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng.	- Tiết kiệm điện, nước.	8	
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ				
85	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật (dệt thổ cẩm...).	9	
86	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe	- Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca của địa phương...).	1,2,3,4, 5,6,7,8, 9	

	và kể câu chuyện.			
87	Trẻ hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1,2,3,4, 5,6,7,8, 9	
88	Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc (của dân tộc Thái, nhảy sạp. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu bằng dụng cụ âm nhạc sẵn có ở địa phương: quả bầu, ống tre, ống nứa....	1,2,3,4, 5,6,7,8, 9	
89	Trẻ biết lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.	9	
90	Trẻ biết lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	- Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	1, 3,4,5,6 7,8,9	
91	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.	1,2,3,4, 5,6,7,8, 9	
92	Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.		3,4,6,8	
93	Trẻ biết vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.		1,2,3,4, 7,8,9	
94	Trẻ biết, xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng cắt, xé dán, nặn, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.	3,4, 5, 6, 7,8,9	
95	Trẻ biết làm lốm, dõ bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	- <i>Tiết kiệm giấy khi sử dụng.</i>	1,2,3,4, 6,8	
96	Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.		8	
97	Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.	1,2,3,4.	
98	Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật /liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	4	

	thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình.		
99	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình. - <i>Giữ gìn sản phẩm của mình làm xong.</i>	8, 9	

3. Khối mẫu giáo Lớn đơn

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
a. Phát triển vận động				
1	- Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Tập các động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp: hô hấp; tay; lưng, bụng, lườn; chân. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau.	1,2,3,4,5 ,6,7,8,9	
2	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động: - Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. - Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. - Đứng một chân và giữ thăng bằng người trong 10 giây.	- Đi trên dây (dây đặt trên sàn), - Đi trên ván kê dốc. - Đi nổi bàn chân tiến, lùi - Đi bằng mép ngoài bàn chân đi khụy gối - Đi thăng bằng trên ghế thể dục đầu đội túi cát. - Nhảy lò cò 5 m	1,2, 3,4, 6,8,9	
3	Trẻ có khả năng kiểm soát	- Đi, chạy thay đổi tốc độ, hướng	1,7	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
	được vận động: Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).	dịch dắc theo hiệu lệnh		
4	Trẻ có khả năng phối hợp tay-mắt trong vận động: - Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). - Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4-5 lần liên tiếp.	- Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m) - Chuyển bắt bóng qua đầu qua chân. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay, 2 tay - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung, đập bắt bóng tại chỗ - Đi và đập bắt bóng	1, 3, 4,5, 6,7,8,9	
5	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. - Ném trúng đích đứng (cao 1,5 m, xa 2m). - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5 m theo đúng yêu cầu.	- Chạy 18m trong khoảng thời gian 10 giây. - Chạy liên tục 150 m không hạn chế thời gian - Ném trúng đích bằng 1 tay, 2 tay. - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m - Bò đích dắc qua 7 điểm - Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm	1,2,3,4,5, 6,7,8,9	
6	- Trẻ biết trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5 m so với mặt đất.	- Trèo lên xuống 7 gióng thang	6	
7	- Trẻ biết bật xa tối thiểu 50 cm;	- Bật xa 50 cm - Bật liên tục vào vòng	1,3,6	
8	- Trẻ biết nhảy xuống từ độ cao 40 cm;	- Bật qua vật cản 15-20 cm - Bật - nhảy từ trên cao xuống 40-45 cm; - Bật tách chân – khép chân qua 7 ô.	4, 5,6,7	
9	Trẻ có khả năng thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Bẻ, nắn. - Đan nóng hai	1	
10	Trẻ có thể phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: - Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. - Cắt được theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. - Ghép và dán hình đã cắt theo	- Tô, đồ theo nét. - Xé, cắt đường vòng cung. - Lắp ráp các hình. - Cài, cởi cúc, kéo khoá (phéc mớ tuya), khâu, luồn, buộc dây.	2,3,4	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
	<p>mẫu.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự cài, cởi cúc, xâu, dây giày, cài quai dép, đóng mở phéc-mơ-tuya. - Biết tết sợi đôi. 			
b. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe				
11	<p>Trẻ có khả năng lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... - Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả... 	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm	2	
12	<p>Trẻ nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...</p>	- Làm quen một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	1	
13	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và lợi ích của ăn uống đủ chất đủ lượng. <i>Nhận biết một số món ăn truyền thống của dân tộc Thái: Khẩu sến, cơm lam, thịt sấy, nạp sườn...</i> - <i>Ăn uống đầy đủ các chất, không kén chọn thức ăn, ăn hết xuất.</i> 	2	
14	<p>Trẻ có khả năng thực hiện được một số việc đơn giản:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dũi/ giặt nước cho sạch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện kỹ năng: Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng đúng cách - Giữ gìn vệ sinh thân thể; Giữ gìn đồ dùng, tiết kiệm nước. 	1,2	
15	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có khả năng sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo. 	- <i>Cách sử dụng các đồ dùng khi ăn, uống.</i>	2	
16	<p>Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn - Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn. - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - Không uống nước lã, ăn quà 	<ul style="list-style-type: none"> - Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - <i>Nhu cầu của bản thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí.</i> - Trước khi ăn phải mời, ăn từ tốn, ăn hết xuất, khi ăn không làm rơi vãi. 	1,2,3,4	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
	vật ngoài đường.			
17	<p>Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. - Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết trang phục dân tộc Thái). - Ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh. - Lấy tay che miệng khi ho hoặc hắt hơi, khi ngáp. - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - <i>Bảo vệ sức khỏe, an toàn khi có thời tiết thay đổi hay hiện tượng thời tiết bất thường.</i> + Không đi chơi khi trời nắng, trời mưa. 	2,5,8	
18	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ nhận biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng...là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng 	3	
19	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần. 	<ul style="list-style-type: none"> - Không chơi ở những nơi không an toàn đến tính mạng 	7, 8	
20	<p>Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc,.. - Không tự ý uống thuốc - Ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng (Kỹ năng ứng phó phù hợp với trước, trong và sau thiên tai có ở địa phương). - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng béo phì...) + Lựa chọn các loại thực phẩm cần thiết cho cơ thể. 	4,6	
21	<p>Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu .. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ. - <i>Thực hiện một số quy định:</i> + <i>Người lạ cho quà thì phải hỏi người thân</i> + <i>Không theo khi người lạ rủ</i> + <i>Kêu người lớn khi bị ép đi, hoặc</i> 	3, 4,9	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
	<ul style="list-style-type: none"> - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. - Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ 	<p><i>mách người lớn khi có sự việc đó xảy ra với bạn.</i></p>		
22	<ul style="list-style-type: none"> Trẻ thực hiện được một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: - Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi. - Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào... 	<ul style="list-style-type: none"> - Không chơi ở những nơi không an toàn đến tính mạng - Nhận biết, phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng. + <i>Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định GT, không tự ý qua đường.</i> 	1,7	
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức				
* Khám phá khoa học				
23	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?... 	<ul style="list-style-type: none"> - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - <i>Các hiện tượng thiên nhiên (bão, lũ lụt, mưa đá, giông, sét</i> - <i>Chia sẻ, cảm thông với các bạn nhỏ vùng thiên tai.</i> - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng. 	5,6,8	
24	<ul style="list-style-type: none"> - Trẻ có khả năng phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. <i>Chăm sóc các con vật</i> - <i>Mối quan hệ của động vật với BDKH và thiên tai: ô nhiễm môi trường, xáo trộn môi trường sống, thiếu nước giảm nguồn thức ăn, không còn nơi cư trú, chết một số</i> 	2, 5,6,8	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
		<p><i>loài động vật, dịch bệnh.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. 		
25	- Trẻ có khả năng làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận: Gieo hạt, trồng cây, sự phát triển của cây...	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sông, <i>BĐKH</i> và <i>thiên tai</i>. + <i>Ảnh hưởng của thiên tai đối với thực vật: không phát triển được, nhiều loại sâu bệnh.</i> + <i>Ích lợi của thực vật đối với phòng chống thiên tai: giữ nước chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường.</i> - <i>Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây khi chuẩn bị có thiên tai.</i> 	1,2,3,4,5, 6,7,8,9	
26	- Trẻ có khả năng thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận; dự đoán một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra.	<ul style="list-style-type: none"> - Các nguồn nước trong môi trường sống(sông, suối, ao, hồ...) - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. 	5,6,8	
27	- Trẻ có khả năng phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng DDĐC. - <i>Sử dụng đồ chơi, đồ dùng, điện, nước của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học.</i> - Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu - Biết giữ gìn đồ dùng, đồ chơi; - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu. - <i>Ảnh hưởng của thiên tai đối với các hoạt động phương tiện giao thông.</i> - <i>Ảnh hưởng của các PTGT đối với môi trường.</i> - So sánh sự khác nhau và giống 	1,3,5,6,7	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
		nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu.		
28	- Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng đồ chơi quen thuộc.	1	
29	- Trẻ có thể giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau		5,6,7,8,9	
30	- Trẻ có khả năng nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- Đặc điểm ích lợi và tác hại của con vật, cây hoa quả	5,6	
31	- Trẻ có khả năng thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình.	- Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề, hoạt động âm nhạc và tạo hình.	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
* Khám phá xã hội				
32	- Trẻ nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, tuổi, giới tính, vị trí và trách nhiệm của trẻ trong gia đình và lớp học. - Đoàn kết, quan tâm tới các bạn.	2,3	
33	- Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. - <i>Hoạt động sinh hoạt của gia đình hướng đến bảo vệ môi trường, hạn chế BDKH.</i> <i>Hoạt động phòng, chống thiên tai của gia đình.</i>	3	
34	- Trẻ nói được địa chỉ gia đình mình khi được hỏi, trò chuyện.	- Địa chỉ gia đình (Gia đình dân tộc Thái, một số trang phục người dân tộc Thái...).	3	
35	- Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm của trường, lớp mầm non.	1	
36	- Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật về công việc của các cô bác trong trường - Yêu quý, nghe lời cô giáo.	1	
37	- Trẻ nói được họ tên và đặc điểm	- Đặc điểm, sở thích của các bạn;		

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
	của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	các hoạt động của trẻ ở trường.	1	
38	- Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống, sản phẩm đặc sản của địa phương: vải thổ cẩm, gạo tám thơm, sésng cù, nếp cẩm... - Biết nâng niu giữ gìn sản phẩm của các nghề.	4	
39	- Trẻ kể được tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội: Ngày quốc khánh 2/9; ngày khai giảng năm học mới 5/9, 20/10; 20/11; 8/3, 7/5; 19/5...	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương đất nước, của địa phương, ngày giải phóng Điện Biên 7/5, lễ hội hoa ban, di tích, đồi A1, bảo tàng chiến thắng ĐBP...	1,3,7	
40	- Trẻ kể tên và nêu được một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước..	- <i>Khi đi du lịch, bé cần có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và cảnh giác với các hiện tượng thiên tai có thể xảy ra.</i> - Yêu quý và tự hào, giữ gìn các di tích lịch sử.	9	
* Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán				
41	- Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...			
42	- Trẻ có khả năng đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng;	1,4,7,9	
43	- Trẻ có khả năng so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.			
44	- Trẻ có khả năng gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	- Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	3,4,5,6,8	
45	- Trẻ có khả năng tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau và đếm.			

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
46	- Trẻ có khả năng nhận biết được các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10	3,4,5, 6, 8	
47	- Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe, nói được các ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ).	3,7	
48	- Trẻ có khả năng sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- So sánh, phát hiện ra quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	3	
49	- Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.	- Tạo ra quy tắc sắp xếp.		
50	- Trẻ có khả năng sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.	2	
51	- Trẻ có thể sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài 1 vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.	6,8	
52	- Trẻ có thể gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo ra 1 số hình hình học bằng các cách khác nhau.	4,7	
53	- Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.	2,7	
54	- Trẻ gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Gọi tên các ngày trong tuần - Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai.	8	
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ				
55	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.	- Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp	4	
56	- Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật,	- Hiểu các từ khái quát, trái nghĩa	1,3,5,6,7	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
	thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).			
57	- Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Lắng nghe người khác nói, nhìn vào mặt người nói - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ điệu bộ, nét mặt để người khác nói biết rằng mình đã hiểu hay chưa hiểu điều họ nói	4	
58	- Trẻ kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. - Trẻ dân tộc có thể kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được bằng tiếng Việt.	- Kể lại sự việc theo trình tự	5	
59	- Trẻ có khả năng sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh. - Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?.	6	
60	- Trẻ dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh .	- Sử dụng các câu đơn, câu ghép khác nhau - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức	1,2,3,4,5 ,6,7 8, 9	
61	- Trẻ có khả năng miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?.	2	
62	- Trẻ có khả năng đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè.	1,2,3,4,5 , 6,7,8,9	
63	- Trẻ có khả năng kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh	8, 9	
64	- Trẻ có khả năng đóng được vai của nhân vật trong truyện.	- Đóng kịch	5	
65	- Trẻ có thể sử dụng các từ: Cảm ơn, xin lỗi, xin phép, thưa, dạ, vâng, ... phù hợp với tình huống; không nói tục chửi bậy	- Sử dụng một số từ trong câu xã giao đơn giản để giao tiếp với bạn bè và người lớn hơn.	6	
66	- Trẻ có thể điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh;	- Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn	4	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
	không nói leo, không ngắt lời người khác.	cảnh giao tiếp.		
* Làm quen với việc đọc viết				
67	- Trẻ có khả năng chọn sách để “đọc” và xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ.	6,8	
68	- Trẻ có khả năng kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh - Giữ gìn, bảo vệ sách.	1,2,3,4,5 ,6,7,8,9	
69	- Trẻ biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Làm quen với cách đọc T.việt + Hướng đọc viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới + Hướng viết của các nét chữ, đọc, ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách	5	
70	- Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông.	- Làm quen một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ).	1,7	
71	- Trẻ có khả năng nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt, thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.	- Nhận dạng các chữ cái - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc.	1,2,3,4,5 , 6,7,8,9	
72	- Trẻ có khả năng tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói, biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc của bản thân.	- Tập tô, tập đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình. - Giữ gìn sách vở.	1,2,3,4,5 , 6,7,8,9	
4. Lĩnh vực phát triển TC và QHXH				
73	- Trẻ nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Vị trí và trách nhiệm của trẻ trong gia đình và lớp học.	1,2,3	
74	- Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	- Sở thích, khả năng của bản thân	2	
75	- Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.	2	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
76	- Trẻ biết mình là con/ cháu/ anh/ chị/ em trong gia đình.	- Vị trí và trách nhiệm của trẻ trong lớp học, trong gia đình - Quan tâm đến người thân yêu trong gia đình.	3	
77	- Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. + Chăm chỉ, quan tâm giúp đỡ những người xung quanh	3	
78	- Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hằng ngày (vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...).	- Thực hiện công việc được giao: Trực nhật, xếp dọn đồ chơi - Ngăn nắp gọn gàng. "Cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi quy định".	2	
79	- Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.	1	
80	- Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; <i>nhận biết thái độ, hành vi</i> qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác;	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui buồn, sợ hãi tức giận, ngạc nhiên xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ giọng nói của người khác	1	
81	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ; <i>có kỹ năng kiểm soát cảm xúc của bản thân.</i>	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	2	
82	- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân, <i>khoan dung đoàn kết với bạn bè.</i>	- Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn chia sẻ với mọi người trong hoàn cảnh thiên tai). - Biết giúp đỡ những người lao động xung quanh những công việc vừa sức. + Quý trọng, biết ơn người lao động.	2	
83	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Kính yêu Bác Hồ	9	
84	- Trẻ có khả năng thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.			
85	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn, trò chơi dân gian, bài hát dân ca, nhà ở ...) của quê hương, đất nước, của quê hương	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.(Di tích lịch sử Đồi A1, bảo tàng chiến thắng ĐBP, Hàm Đờ cát... lễ hội Hoa ban...) - <i>Trang phục truyền thống của dân</i>	6, 9	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
	Điện Biên: Ngày giải phóng Điện Biên 7/5, lễ hội Hoa Ban...	<i>tộc Thái, H Mông, văn hóa truyền thống.</i>		
86	- Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cát đồ chơi vào nơi quy định, <i>có trách nhiệm</i> , không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). - Chơi đoàn kết, không tranh giành đồ dùng đồ chơi.	1,3	
87	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép; <i>khiêm tốn, giản dị, trung thực.</i>	- Sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.	5,6	
88	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Chú ý lắng nghe, quan tâm chia sẻ đến mọi người.	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
89	- Trẻ biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	7,8	
90	- Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Lắng nghe ý kiến của người khác, - Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến.	3	
91	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn). <i>Chấp nhận chính kiến của người khác</i>	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.	2, 4	
92	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Chăm sóc và bảo vệ con vật, cây	5,6	
93	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định, nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...)	- Giữ gìn vệ sinh môi trường Không nuôi gia súc, gia cầm ở gầm sàn,). - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.	5,6,7	
94	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện, nước.	8	
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ				
95	- Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. + Yêu thiên nhiên, gần gũi với thiên nhiên.	2,5,6,7,8	
96	- Trẻ chăm chú lắng nghe và	- Nghe và nhận biết các thể loại âm	1, 2,	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
	hường ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc.	nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển).	3,4,5,6,7,8,9	
97	- Trẻ có khả năng hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát.	1, 2, 3,4,6,7,8,9	
98	- Trẻ có khả năng vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.	2, 3,4,5,6,7	
99	- Trẻ có khả năng tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích.	5, 7, 8, 9	
100	- Trẻ có khả năng gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhANH, chậm, phối hợp) bằng dụng cụ âm nhạc sẵn có ở địa phương: quả bầu, ống tre, ống nứa.....	5, 8, 9	
101	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn vẻ đẹp của tác phẩm nghệ thuật.	1, 2, 3,4,5,6,7,8,9	
102	- Trẻ có khả năng phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.	5,6,7,8	
103	- Trẻ có khả năng phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối kết hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành ra sản phẩm có màu sắc, kích thước/hình dáng/ đường nét và bố cục. - Giữ gìn sản phẩm của mình làm xong.	1, 2, 3,4,5,6,7,8,9	
104	- Trẻ có khả năng phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối kết hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành ra sản phẩm có màu sắc, kích thước/hình dáng/ đường nét và bố cục. - <i>Tiết kiệm giấy khi sử dụng; sắp xếp đồ dùng gọn gàng.</i>	3, 4,5,6,7,8,9	

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
105	- Trẻ có khả năng phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	- Phối kết hợp các kỹ năng nặn để tạo thành ra sản phẩm có màu sắc, kích thước/hình dáng/ đường nét và bố cục.	1,4,5, 6,	
106	- Trẻ có khả năng phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối kết hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành ra sản phẩm có màu sắc, kích thước/hình dáng/ đường nét và bố cục.	1, 2	
107	- Trẻ có khả năng nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục.	1, 2, 3,4,5,6,7 ,8,9	
108	- Trẻ có khả năng nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình	1, 2, 3,4,5,6,7 ,8,9	
109	- Trẻ có khả năng đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	7, 8,9	

4. Khối Mẫu giáo ghép

TT	Độ tuổi	Mục tiêu	Nội dung		Chủ đề thực hiện	ĐC BX
			Chung	Riêng		
1. Lĩnh vực phát triển thể chất						
<i>a) Phát triển vận động</i>						
1	3	Trẻ thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn	* 3,4,5T: Hô hấp: Hít vào, thở ra. ` Đưa hai tay đưa lên cao, ra phía trước, sang 2 bên “ (4,5t): kết hợp với vẫy bàn tay (4t): nắm, mở bàn tay; (5t): quay cổ tay, kiễng chân”. ` Co và duỗi tay/ từng tay kết hợp kiễng chân (5t) ` Quay sang trái, sang phải	` Hai tay đánh chéo nhau về phía trước và ra sau ` Đứng khụy gối ` Bật tách chụm chân tại chỗ	1, 2, 3,4,5,6, 7,8,9	
2	4	Trẻ thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh	“(5t): kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái” ` Nghiêng người sang trái, sang phải, “5t: Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải,	` Vỗ 2 tay vào nhau (Phía trước, phía sau trên đầu). ` Đánh xoay tròn hai vai ` Đứng 1 chân đưa lên trước khụy gối		

			<p>sang trái”.</p> <p>* 3,4 T:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Cúi về phía trước ` Ngồi xổm, đứng lên. ` Bật tại chỗ <p>* 4,5T:</p>	<ul style="list-style-type: none"> ` Ngồi nâng hai chân duỗi thẳng 		
3	5	<p>Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp</p>	<ul style="list-style-type: none"> ` Cúi về phía trước ` Ngửa người ra sau (5t: kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái) * 3,4,5 T ` Bật lên phía trước, ra sau sang bên 	<ul style="list-style-type: none"> ` Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. ` Khụy gối. ` Bật, đưa chân sang ngang 		
4	3	<p>Trẻ có thể giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m). ` Đi kiễng gót liên tục 3m. 	<ul style="list-style-type: none"> * 4,5 T: ` Đi khụy gối. ` Nhảy lò cò (3m;5 m) ` Đi trên ghế thể dục (đầu đội túi cát 5t). 	<ul style="list-style-type: none"> ` Đi kiễng gót. ` Đi trong đường hẹp. 	1,2,3,4, 6,7,8,9	
5	4	<p>Trẻ có khả năng giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ thẳng trên sàn. ` Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m. 		<ul style="list-style-type: none"> ` Đi bằng gót chân ` Đi lùi. ` Đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. 		
6	5	<p>Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Đi lên, xuống trên ván dốc (dài 2m, rộng 0,30m) một đầu kê cao 0,30m. ` Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. ` Đứng một chân và giữ thăng người trong 10 giây. 		<ul style="list-style-type: none"> ` Đi bằng mép ngoài bàn chân. ` Đi trên dây (Dây đặt trên sàn). ` Đi trên vòm kê dốc. ` Đi nổi bàn chân tiến, lùi ` Đứng co 1 chân. 	3,4,6,7, 8,9	

7	3	<p>Trẻ có thể kiểm soát được vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Đi/chạy thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. ` Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc) không chệch ra ngoài. 	<p>* 3,4,5 T:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. ` Đi thay đổi hướng (theo đường đích dắc; đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn; hướng, đích dắc theo hiệu lệnh). ` Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. ` Chạy thay đổi hướng (theo đường đích dắc; đích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn; thay đổi hướng theo hiệu lệnh) 	2,4,5,7,9		
8	4	<p>Trẻ có khả năng kiểm soát được vận động:</p> <p>Đi/chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt đích dắc).</p>				
9	5	<p>Trẻ có khả năng kiểm soát được vận động:Đi/chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần).</p>				
10	3	<p>Trẻ có thể phối hợp tay-mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Tung bắt bóng với cô: bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 2,5 m). ` Tự đập - bắt bóng được 3 lần liên (đường kính bóng 18cm). 	<p>* 3,4 T:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Tung bắt bóng (với cô; với người đối diện) <p>* 4,5 T:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Tung bóng lên cao và bắt. ` Đập và bắt bóng tại chỗ. ` Ném trúng đích bằng 1 tay (đích đứng) 	<ul style="list-style-type: none"> ` Lăn bóng với cô. ` Đập bắt bóng với cô. 	1,3,4,6,7,9	
11	4	<p>Trẻ có khả năng phối hợp tay- mắt trong vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Tung bắt bóng với người đối diện (cô/bạn): bắt được 3 lần liên không rơi bóng (khoảng cách 3 m). ` Ném trúng đích đứng (xa 1,5 m x cao 1,2 m). ` Tự đập bắt bóng 				

		được 4-5 lần liên tiếp.			
12	5	Trẻ có khả năng phối hợp tay- mắt trong vận động: ` Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). ` Ném trúng đích đứng (xa 2 m x cao 1,5 m). ` Đi, đập và bắt được bóng này 4-5 lần liên tiếp.		<ul style="list-style-type: none"> ` Đi và đập bắt bóng. ` Ném bắt bóng với người đối diện ` Ném trúng đích bằng 2 tay (đích đứng). 	
13	3	Trẻ có thể thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: ` Chạy được 15 m liên tục theo hướng thẳng. ` Ném trúng đích ngang (xa 1,5 m). - Bò trong đường hẹp (3 m x 0,4 m) không chệch ra ngoài.	<ul style="list-style-type: none"> * 3,4,5 T: ` Chạy “(3t): theo hướng thẳng; (4t): 15m; (5t): 18m trong khoảng 10 giây”. ` Ném xa bằng 1 tay. ` Ném trúng đích bằng 1 tay (Đích ngang). ` Bật (về phía trước (; liên tục về phía trước; liên tục vào vòng) ` Bật xa (20 - 25cm ; 35-40; 40-50cm) * 3,4 T: ` Bò chui qua cổng. ` Bò trong đường hẹp (3mx0,4m) ` Trườn theo hướng thẳng. 	<ul style="list-style-type: none"> ` Trườn về phía trước. ` Bước lên, xuống bục cao 30cm. ` Chuyển bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. ` Bật tại chỗ. - Bò theo đường díc dắc 	
14	4	Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp: ` Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây. ` Ném trúng đích ngang (xa 2 m). ` Bò trong đường dích dắc (3 - 4 điểm dích dắc, cách nhau 2m) không chệch ra ngoài.	<ul style="list-style-type: none"> * 4,5 T: ` Chạy chậm (60-68m; 100-120m) ` Bò (theo hướng thẳng; bằng bàn tay và bàn chân (3-4m; 4-5m) ` Bò dích dắc qua (5 điểm; 7 điểm) ` Bò chui qua ống dài (1,2 x 0,6 m; 1,5m x 0,6m. ` Trèo lên, xuống thang. (5 gióng; 7 gióng) ` Ném xa bằng 2 tay. ` Chuyển bắt bóng qua đầu, qua chân. 	<ul style="list-style-type: none"> ` Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm. 	1, 2, 3,4,5,6, 7,8,9

15	5	<p>Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. ` Ném trúng đích ngang (xa 2m). ` Bò vòng qua 5-6 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> ` Bật nhảy từ trên cao xuống (30-35 cm; 40-45cm.) ` Bật tách chân, khép chân qua (5 ô; 7 ô) ` Bật qua vật cản (10 - 15 cm; 15 – 20 cm) 	<ul style="list-style-type: none"> ` Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. ` Ném trúng đích ngang (xa 2m) 		
16	3	<p>Trẻ có thể thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Xoay tròn cổ tay. ` Gập, đan ngón tay vào nhau 	<ul style="list-style-type: none"> ` Gập, đan các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. ` Đan, tết. 		5,6	
17	4	<p>Trẻ có khả năng thực hiện được các vận động:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Cuộn - xoay tròn cổ tay. ` Gập, mở, các ngón tay. 	<ul style="list-style-type: none"> ` Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn, nôi.... ` Gập giấy. Đan nong môt. 			
18	5	<p>Trẻ có khả năng thực hiện được các vận động: ` Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay.` Gập, mở lần lượt từng ngón tay.</p>	<ul style="list-style-type: none"> ` Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay.` Bẻ nắn. Đan nong hai 			
19	3	<p>Trẻ có thể phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động.</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Vẽ được hình tròn theo mẫu. ` Cắt thẳng được một đoạn 10cm. ` Xếp chồng 8-10 khối không đồ. ` Tự cài, cởi cúc. 	<ul style="list-style-type: none"> * 3,4,5T: ` Xé, tô ` Cài, cởi cúc * 3, 4T: ` Vẽ (ngụch ngoạc; hình) * 4,5 T ` Cắt theo đường (thẳng; vòng cung) ` Xâu, buộc dây 	<ul style="list-style-type: none"> ` Xếp chồng các hình khối khác nhau ` Xé dán giấy. ` Sử dụng kéo, bút. 	2,3,4	
20	4	<p>Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Vẽ hình người, 		<ul style="list-style-type: none"> ` Lắp ghép hình 		

		<p>nhà, cây.</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Cắt thành thạo theo đường thẳng. ` Xây dựng lắp ráp với 10-12 khối. ` Biết tết sợi đôi. ` Tự cài, cởi cúc, buộc dây giày. 			
21	5	<p>Trẻ có khả năng phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số. ` Cắt được theo đường viền của hình vẽ. ` Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu. <p>- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu</p> <p>Tự cài, cởi cúc, khâu dây giày, cài quai dép, kéo khóa phéc mơ tuya.</p>		<ul style="list-style-type: none"> ` Lắp ráp. ` Đồ theo nét ` Kéo khóa (Phéc mơ tuya), luồn 	
b) Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe					
22	3	<p>Trẻ có thể nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt, cá, trứng, sữa, rau...)</p>	<ul style="list-style-type: none"> ` Nhận biết một số thực phẩm (quen thuộc; thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng) rau củ quả gần gũi với địa phương) 		
23	4	<p>Trẻ có khả năng nhận biết một số thực phẩm cùng nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Thịt, cá, ...có nhiều chất đạm. ` Rau, quả chín có nhiều vitamin. 			
24	5	<p>Trẻ có khả năng lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... 	<ul style="list-style-type: none"> ` Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. 		2,6

		` Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...			
25	3	Trẻ có khả năng biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau...	` Nhận biết một số món ăn quen thuộc. ` <i>Nhận biết một số món ăn truyền thống của dân tộc thái</i>		
26	4	Trẻ có khả năng nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	` Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. ` <i>Nhận biết một số món ăn truyền thống của dân tộc thái</i> ` Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.	1,3	
27	5				
28	3	Trẻ biết ăn để chóng lớn, khoẻ mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.			
29	4	Trẻ biết ăn để cao lớn, khoẻ mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	` Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. <i>Nhận biết một số món ăn truyền thống của dân tộc thái</i> ` Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...).	2,6	
30	5	Trẻ biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để nguội; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	- <i>Ăn uống đầy đủ các chất, không kén chọn thức ăn, ăn hết suất.</i>		
31	3	Trẻ có thể thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn: ` Rửa tay, lau mặt, súc miệng. ` Tháo tất, cởi quần, áo....	* 3-4-5 Tuổi: ` Làm quen cách/tập/tập luyện kỹ năng: đánh răng, lau mặt. ` Tập/rèn luyện thao tác/tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng. * 4-5 tuổi: ` Đi vệ sinh đúng nơi quy định	` Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.	1,2,3

32	4	Trẻ có khả năng thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở: ` TỰ rửa tay bằng xà phòng. TỰ lau mặt, đánh răng. ` TỰ thay quần, áo khi bị ướt, bẩn.	- <i>Giữ gìn vệ sinh thân thể; Tiết kiệm nước</i>		
33	5	Trẻ có khả năng thực hiện được một số việc đơn giản: ` TỰ rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt, đánh răng ` TỰ thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. ` ĐI vệ sinh đúng nơi qui định, biết đi xong dội/giặt nước cho sạch		` Sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.	
34	3	` Trẻ có khả năng sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.			
35	4	` Trẻ có khả năng tự cầm bát, thìa xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.	` Cách sử dụng đồ dùng khi ăn uống		
36	5	` Trẻ có khả năng sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo			
37	3	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở: Uống nước đã đun sôi...			
38	4	Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn; ăn từ tốn, nhai kỹ. ` Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau... ` Không uống nước lã.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe. - <i>Nhu cầu của bản thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí.</i> - <i>Trước khi ăn phải mời, ăn từ tốn, ăn hết xuất, khi ăn không làm rơi vãi</i>	1,2,4	
39	5	Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: ` Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. ` Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức			

		<p>ăn.</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. ` Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường 			
40	3	<p>Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Chấp nhận: Vệ sinh răng miệng, đội mũ ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. ` Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu. 	<p>* 3, 4, 5 tuổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. ` Nhận biết một số biểu hiện khi ốm (Cách phòng tránh đơn giản 4T, Nguyên nhân và cách phòng tránh 5T) <p>* 4-5 tuổi:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Lựa chọn/ và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. ` Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - <i>Không đi chơi khi trời nắng, trời mưa.</i> - Lấy tay che miệng khi ho hoặc hắt hơi, khi ngáp - <i>Bảo vệ sức khoẻ, an toàn khi có thời tiết thay đổi hay hiện tượng thời tiết bất thường.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> ` Nhận biết trang phục theo thời tiết. 	
41	4	<p>Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở: ` Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. ` Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt...`</p> <p>Đi vệ sinh đúng nơi quy định. ` Bỏ rác đúng nơi quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phòng chống bệnh cúm A 	<ul style="list-style-type: none"> - Lấy tay che miệng khi ho hoặc hắt hơi, khi ngáp - <i>Bảo vệ sức khoẻ, an toàn khi có thời tiết thay đổi hay hiện tượng thời tiết bất thường.</i> 		2,4,6,8
42	5	<p>Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh:</p> <ul style="list-style-type: none"> ` Vệ sinh răng miệng: Sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. ` Ra nắng đội mũ: Đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. ` Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt... ` Che miệng khi ho, 			

		<p>hắt hơi.</p> <p>` Đi vệ sinh đúng nơi quy định.</p> <p>` Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhỏ bậy ra lớp.</p>			
43	3	<p>Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...) khi được nhắc nhở</p> <p>+ Nhận biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy nổ.</p> <p>+ Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy nổ.</p> <p>+ Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.</p>	<p>` Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.</p> <p>- Nhận biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy nổ.</p> <p>- Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy nổ.</p> <p>- Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.</p>	3,4	
44	4	<p>Trẻ nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng...là nguy hiểm không đến gần. biết không nên nghịch các vật sắc nhọn.</p> <p>+ Nhận biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy nổ.</p> <p>+ Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy nổ.</p> <p>+ Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.</p>	<p>- Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.</p>		

45	5	<p>Trẻ biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng... là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn.</p> <p>+ Nhận biết được về nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số vật dụng có thể gây cháy nổ.</p> <p>+ Biết cách phòng tránh nguồn lửa, nguồn nhiệt và một số sự cố có thể gây cháy nổ.</p> <p>+ Nhận biết các tín hiệu, phương tiện báo động cháy và có hành động phù hợp khi nghe các tín hiệu báo động cháy.</p>			
46	3	Trẻ biết tránh nơi nguy hiểm (Hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi...) khi được nhắc nhở.			
47	4	Trẻ nhận ra những nơi như: Hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước...là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	` Không chơi ở những nơi không an toàn đến tính mạng.	8	
48	5	Trẻ biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.			
49	3	<p>Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:</p> <p>` Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt...</p> <p>` Không tự lấy thuốc uống.</p> <p>` Không leo trèo bàn</p>	<p>` Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng.</p> <p>- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật(ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì)</p>	5,7	

		ghế, lan can. ` Không nghịch các vật sắc nhọn. ` Không theo người lạ ra khỏi khu vực trường lớp.			
50	4	Trẻ biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở: - Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt... - Không ăn thức ăn có mùi ôi; không ăn lá, quả lạ... không uống rượu bia, cà phê; không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. - Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.			
51	5	Trẻ nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: ` Biết: cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc sặc... ` Biết không tự ý uống thuốc. ` Biết: ăn thức ăn có mùi hôi; ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe.			
52	4	Trẻ nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ: ` Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu... ` Biết gọi người giúp	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ - <i>Thực hiện một số quy định:</i> + <i>Người lạ cho quà thì phải hỏi người thân</i> + <i>Không theo khi người lạ rủ</i> + <i>Kêu người lớn khi bị ép đi, hoặc mách người lớn khi có sự việc đó xảy ra với bạn.</i>	1,3,4,6,78,9	

		đỡ khi bị lạc. nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết.				
53	5	<p>Trẻ nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.</p> <p>` Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/ người rơi xuống nước, ngã chảy máu...</p> <p>` Biết tránh một số trường hợp không an toàn</p> <p>+ Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo, bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.</p> <p>+ Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo</p> <p>` Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.</p>				
54		<p>` Trẻ thực hiện được một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn:</p> <p>` Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.</p> <p>` Đi bộ trên hè: đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy.</p> <p>` Không leo trèo cây, ban công, tường rào...</p>	<p>- Một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn</p> <p>- Không chơi ở những nơi không an toàn đến tính mạng</p> <p>- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm đến tính mạng</p> <p>+ <i>Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định GT, không tự ý qua đường</i></p>	1,7		
2. Lĩnh vực phát triển nhận thức						
a) Khám phá khoa học						
55	3	Trẻ quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự	* 3,4,5 T: ` Chức năng các giác quan và (một số 3T, các 4-5T) bộ phận khác của cơ thể.	` Tên, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện	8	

		<p>ật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.</p>	<p>- <i>Bảo vệ sức khỏe, an toàn khi có thời tiết thay đổi hay hiện tượng thời tiết bất thường.</i> - <i>Nhu cầu của bản thân và sử dụng đồ dùng, nguyên liệu, thực phẩm vừa đủ, tránh lãng phí.</i> ` Đặc điểm nổi bật (3,4,5t)/ đặc điểm công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ dùng đặc trưng của gia đình, địa phương, đồ chơi (4,5t). ` Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây ở địa phương, ích lợi và tác hại đối với con người (gắn gũi 3T) ` Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. ` Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. * 4,5T: ` So sánh sự giống nhau và khác nhau (của 2-3 đồ dùng, đồ chơi 4t; của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng 5T). ` Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo (1-2; 2-3 dấu hiệu).</p>	<p>giao thông quen thuộc. ` Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. ` Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ. ` Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm. ` Một số nguồn nước trong sinh hoạt hàng ngày. ` Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hàng ngày</p>		
56		<p>Trẻ có khả năng sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ, nếm ... để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng.</p>		2,5,6,8		
57		<p>Trẻ có thể làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi.</p>		5,6		
58		<p>Trẻ có thể thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.</p>		5,6,8		
59		<p>Trẻ có thể mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.</p>				
60	4	<p>Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng: Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị úớt?...</p>	<p>` So sánh sự khác nhau và giống nhau (của 2/một số) con vật, cây, hoa quả. ` Một số hiện tượng thời tiết theo mùa (và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người 4T; thứ tự các mùa 5T) - <i>Các hiện tượng thiên nhiên (bão, lũ lụt, mưa đá, giông, sét, động đất, hạn hán...).</i> - <i>Chia sẻ, cảm thông với các bạn nhỏ vùng thiên tai.</i> ` Sự khác nhau giữa ngày và đêm (Mặt trời, mặt trăng 5T) - <i>Không đi chơi khi trời nắng, trời mưa.</i></p>	<p>` Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người.</p>	8	
61		<p>Trẻ có khả năng phối hợp các giác quan để xem xét sự vật, hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm... để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.</p>		2,5,6,8		

62	Trẻ có khả năng làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.	<ul style="list-style-type: none"> ` Các nguồn nước trong môi trường sống: sông, suối, ao, hồ...) ` Một số đặc điểm, tính chất của nước. ` Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. 		6	
63	Trẻ có khả năng thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> ` Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Chăm sóc các con vật. - <i>Mối quan hệ của động vật với BDKH và thiên tai: ô nhiễm môi trường, xáo trộn môi trường sống, thiếu nước giảm nguồn thức ăn, không còn nơi cư trú, chết một số loài động vật, dịch bệnh.</i> 		5,6,7,8	
64	Trẻ có khả năng nhận xét trò chuyện về đặc điểm sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng quan sát				
65	Trẻ tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa ?	<ul style="list-style-type: none"> - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống, và thiên tai. + <i>Ảnh hưởng của thiên tai đối với thực vật: không phát triển được, nhiều loại sâu bệnh.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> ` Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. ` Quá trình phát triển của cây, con vật; điều kiện sống của một số loại cây, con vật. 	8	
66	Trẻ có khả năng phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng.	<ul style="list-style-type: none"> + <i>Ích lợi của thực vật đối với phòng chống thiên tai: giữ nước chống sạt lở đất, điều hòa không khí bảo vệ môi trường.</i> - <i>Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây khi chuẩn bị có thiên tai.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> ` Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. 	2,3,5,6,7,8	
67	Trẻ có khả năng làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.			5,6,8	
68	Trẻ có khả năng thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách			5,6,8	

		tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.			
69		Trẻ có khả năng nhận xét và thảo luận về đặc điểm sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát			
70	3	Trẻ có thể phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	<ul style="list-style-type: none"> ` Phân loại đồ dùng, đồ chơi (theo một dấu hiệu nổi bật ;1 - 2; 2 - 3 dấu hiệu) ` <i>Sử dụng đồ chơi, đồ dùng, điện, nước của nhà trường tiết kiệm, tái sử dụng phế liệu làm đồ chơi, đồ dùng dạy học.</i> 	1,3,5,6,9	
71	4	Trẻ có khả năng phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	<ul style="list-style-type: none"> ` Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo (1 - 2; 2 - 3 dấu hiệu) ` <i>Biết giữ gìn đồ dùng, đồ chơi cất đồ dùng đồ chơi đúng nơi qui định</i> 		
72	5	Trẻ có khả năng phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	<ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 2 - 3 dấu hiệu. - <i>Ảnh hưởng của thiên tai đối với các hoạt động phương tiện giao thông.</i> - <i>Ảnh hưởng của các PTGT đối với môi trường</i> - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. 		
73	3	Trẻ có thể nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	<ul style="list-style-type: none"> ` Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. 	1,8	
74	4	Trẻ nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng gần gũi. Ví dụ: “Cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/mặn hơn”.	<ul style="list-style-type: none"> ` Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. 	1,8	
75	5	Trẻ nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	<ul style="list-style-type: none"> ` Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. 		

76	4	Trẻ có thể sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản. Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn.	Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục khác.	7,8,9	
77	5	Trẻ có thể giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.			
78	3	Trẻ có khả năng thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề của hoạt động vui chơi, âm nhạc, tạo hình. - <i>Chơi đoàn kết, không tranh dành đồ dùng đồ chơi</i>	1,3,4,5,6,7,8,9	
79	4	Trẻ có khả năng thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...			
80	5	Trẻ có khả năng thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...			

b) Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán

81	3	Trẻ quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	-Trẻ đếm trên đối tượng trong phạm vi 5, 10	1 và nhiều	1,2,3,4,5,6,8,9
82		Trẻ có thể đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5			
83		Trẻ có khả năng so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			
84	4	Trẻ quan tâm đến chữ số, số lượng như thích đếm các vật ở xung quanh, hỏi: bao nhiêu? là số mấy?...			

85		Trẻ có khả năng đếm trên đối tượng trong phạm vi 10.			
86		Trẻ có khả năng so sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.			
87		Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: bao nhiêu? đây là mấy?...			
88	5	Trẻ Có khả năng đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.		Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan	
89		Trẻ có khả năng so sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.			
90	4	Trẻ có khả năng sử dụng các số từ 1-5 để chỉ số lượng, số thứ tự.	- Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi (5;10) - Biết nâng niu, giữ gìn sản phẩm của các nghề		
91	5	Trẻ nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự.			
92	3	Trẻ có khả năng gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.	` Gộp/ Tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm		
93		Trẻ có khả năng tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành hai nhóm.			
94		4			

3,
4,5,6,
8

95		Trẻ có khả năng tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ hơn.				
96		Trẻ có khả năng gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	` Gộp/tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.			
97	5	Trẻ có khả năng tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.				
98	4	Trẻ nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.	` Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (Số nhà, biển số xe...)	3,7		
99	5	Trẻ nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.				
100	3	Trẻ có thể nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại	` Xếp xen kẽ.	2,3		
101	4	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 2 đối tượng và sao chép lại				
102	5	Trẻ có khả năng sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.			` So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	- Tạo ra quy tắc sắp xếp. - Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan
103		Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại.				
104		Trẻ có khả năng sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp				
105	3	Trẻ có thể so sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau.	` So sánh 2 đối tượng về kích thước.	8		
106	4	Trẻ có thể sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng, nói kết quả đo và so sánh.	` Đo độ dài một vật bằng (một đơn vị đo; các đơn vị đo khác nhau) - <i>Cắt đồ dùng đúng nơi quy định.</i>	` Đo dung tích bằng một đơn vị đo	8	

107	5	Trẻ có thể sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.		<ul style="list-style-type: none"> ` Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. ` Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. 	
108	3	Trẻ có thể nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật	<ul style="list-style-type: none"> ` Nhận biết, gọi tên các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế. ` Sử dụng các hình hình học để ghép. 		
109	4	Trẻ chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai hình (tròn và tam giác, vuông và chữ nhật...)		<ul style="list-style-type: none"> ` So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật . 	4,7
110		Trẻ có thể sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản			
111	5	Trẻ có thể gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	<ul style="list-style-type: none"> ` Ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. 	<ul style="list-style-type: none"> ` Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau. ` Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối đó trong thực tế. 	
112	3	Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian và bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> ` Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau, tay phải - tay trái của bản thân. 		
113	4	Trẻ có thể sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	<ul style="list-style-type: none"> ` Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau, phía trên - phía dưới, phía phải - phía trái). (với một vật nào đó làm chuẩn 5T) 		2,7
114	5	Trẻ có khả năng sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật làm chuẩn.			

115	4	Trẻ mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày.	<ul style="list-style-type: none"> ` Nhận biết các buổi: sáng, trưa, chiều, tối. 	8	
116	5	Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	<ul style="list-style-type: none"> ` Gọi tên các thứ trong tuần; các mùa trong năm ` Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. 		
C) Khám phá xã hội					
117	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	<ul style="list-style-type: none"> ` Tên, tuổi, giới tính của bản thân. 	2	
118	4	Trẻ nói họ và tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	<ul style="list-style-type: none"> ` Họ tên, tuổi/ ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân (vị trí của trẻ trong gia đình 5T) - <i>Đoàn kết, quan tâm tới các bạn.</i> 		
119	5	Trẻ nói được họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.		2,3	
120	3	Trẻ nói được tên của bố, mẹ và các thành viên trong gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> *3,4,5T: ` Tên/họ tên, công việc/ngành nghiệp của bố mẹ; Các thành viên trong gia đình; Địa chỉ gia đình ` Cách gọi theo tiếng dân tộc Thái, một số trang phục người dân tộc Thái 	3	
121		Trẻ có thể nói được địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.			
122	4	Trẻ nói được họ, tên và công việc của bố, mẹ các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> *4,5 T: ` Một số nhu cầu/Nhu cầu của gia đình. - <i>Hoạt động sinh hoạt của gia đình hướng đến bảo vệ môi trường, hạn chế BDKH.</i> <i>Hoạt động phòng, chống thiên tai của gia đình.</i> 		
123		Trẻ nói được địa chỉ của gia đình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm, bản) khi được hỏi trò chuyện.			
124	5	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> ` Sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn) 		
125		Trẻ nói địa chỉ gia đình mình (Số nhà, đường phố/thôn, xóm),			

		số điện thoại (nếu có)...khi được hỏi trò chuyện.			
126	3	Trẻ nói được tên trường/lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	* 3,4T: ` Tên lớp mẫu giáo/địa chỉ của trường, lớp *3,4,5T: ` Tên và công việc của cô giáo		
127		Trẻ nói được tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	(4,5T: và các cô bác trong trường) ` Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp/Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn/Đặc điểm, sở thích của các bạn;		
128	4	Trẻ nói được tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	các hoạt động của trẻ ở trường - <i>Những thiên tai thường xảy ra ở khu vực trường.</i> - <i>Khu vực an toàn của trường học/ nơi lánh nạn khi có thiên tai.</i> - <i>Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường.</i>		1
129		Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.			
130		Trẻ nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường lớp khi được hỏi trò chuyện			
131	5	Trẻ nói được tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.		` Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non;	
132		Trẻ nói được họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp, khi được hỏi, trò chuyện.			
133	3	Trẻ có thể kể tên và được sản phẩm của nghề nông, nghề xây dựng...khi được hỏi, xem tranh.	` Tên gọi, sản phẩm và ích lợi của một số nghề phổ biến. Nghề truyền thống của địa phương		4
134	4	Trẻ kể tên, công cụ, sản phẩm/ ích lợi...của một số nghề khi được hỏi, trò chuyện.	` Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương (nghề dệt thổ cẩm, đan mây tre, đặc sản địa phương: gạo tám thơm, sésng cù, nếp nướng....		

135	5	Trẻ nói được đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. ví dụ: nói "nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới..."	- Yêu quý các nghề trong xã hội; Yêu quý các chú bộ đội.		
136		Trẻ có thể kể tên một số lễ hội: ngày khai giảng, tết trung thu... qua trò chuyện, tranh ảnh.		1,3,7	
137	3	Trẻ kể tên một vài danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn, trò chơi dân gian, bài hát dân ca, nhà ở...) của quê hương ĐB	` Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương.	9	
138		Trẻ kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.		1,3,6,7	
139	4	Trẻ kể tên ý nghĩa một số ngày lễ hội, nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương). Hầm Đờ cát, Đồi A1, Tượng Đài chiến thắng, Bảo tàng chiến thắng, Đền thờ liệt sĩ trên đồi D1...)	` Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam, thắng cảnh, ngày lễ hội, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. (Di tích lịch sử đồi A1, bảo tàng chiến thắng ĐBP, hầm Đờ cát, Đền thờ liệt sỹ..., ngày giải phóng Điện Biên 7/5, lễ hội hoa ban...)	9	
140	5	Trẻ kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội. ví dụ nói: "Ngày quốc khánh (ngày 2/9) cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm...), Ngày tết trung thu, Ngày giải phóng Điện Biên 7/5, lễ hội Hoa Ban...	- Khi đi du lịch, bé cần có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và cảnh giác với các hiện tượng thiên tai có thể xảy ra. - Yêu quý và tự hào, giữ gìn các di tích lịch sử	1,3,4,9	
141		Trẻ kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê		9	

		huong, đất nước (Hầm Đờ cát, Đồi A1, Tượng Đài chiến thắng, Bảo tàng chiến thắng, đền thờ liệt sĩ trên đồi D1...)			
3. Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ					
142	3	Trẻ thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ "Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ"	` Hiểu và làm theo (yêu cầu đơn giản; 2-3 yêu cầu; 2-3 yêu cầu liên tiếp)	4	
143	4	Trẻ thực hiện được 2-3 yêu cầu liên tiếp, ví dụ "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng"			
144	5	Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, ví dụ "Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái T đứng sang bên phải, Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ H đứng sang bên trái",...			
145	3	Trẻ có thể hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi; quần áo, đồ chơi, hoa, quả. đồ dùng vật dụng gần gũi trong gia đình, ở địa phương...	` Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng, gần gũi, quen thuộc	1,3,5,6,7	
146	4	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Rau, quả, con vật, đồ gỗ...	` Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công cụ và các từ biểu cảm.		
147	5	Trẻ hiểu nghĩa từ khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (Đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...)	` Hiểu các từ khái quát, từ trái nghĩa.		
148	3	Trẻ lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	* 3,4 T: Trả lời và đặt các câu hỏi: "Ai?"; "Cái gì?"; "Ở đâu?"; "Khi nào?" ("Để làm gì?" 4T)	4	
149	4	Trẻ có khả năng lắng nghe và trao đổi với người đối thoại.			

150	5	Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	phức 4,5T) - Lắng nghe người khác nói, nhìn vào mặt người nói	` Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ điệu bộ, nét mặt để người khác biết rằng mình hiểu hay chưa hiểu điều họ nói		
151	3	Trẻ có khả năng nói rõ các tiếng Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng được tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày.	` Phát âm các tiếng (của tiếng việt; có chứa các âm khó; có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu) - Tăng cường tiếng việt cho trẻ dân tộc	- Kể lại sự việc theo trình tự	1,5,6,7	
152		Trẻ có thể sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm...				
153	Trẻ có khả năng nói rõ để người nghe có thể hiểu được.					
154	4 Trẻ có khả năng sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... Trẻ dân tộc biết sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp hằng ngày					
155	5 Trẻ có khả năng kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. <i>- Trẻ dân tộc có thể kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được bằng tiếng việt.</i>					
156	5 Trẻ có khả năng sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... phù hợp với ngữ cảnh. Trẻ người dân tộc thiểu số sử dụng đúng từ ngữ và câu bằng tiếng Việt trong giao					

		tiếp hằng ngày.			
157	3	Trẻ có thể sử dụng được câu đơn, câu ghép.	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn (câu đơn mở rộng: câu đơn ghép)	1,2,4,5,6,7,8,9	
158	4	Trẻ có thể sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định.			
159	5	Trẻ có khả năng dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu đơn ghép khác nhau.		
160	3	Trẻ có thể kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Đi thăm ông bà, đi chơi, xem phim...	- Kể lại sự việc (có nhiều tình tiết 4T; theo trình tự 5T) - Bày tỏ tình cảm nhu cầu của bản thân rõ ràng dễ hiểu	2	
161	4	Trẻ có thể kể lại sự việc theo trình tự.			
162	5	Trẻ có khả năng miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái... của nhân vật.			
163	3	Trẻ có khả năng đọc thuộc bài thơ, cao dao, đồng dao...	<ul style="list-style-type: none"> ` Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi ` Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi. ` Đọc thơ, cao dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè. - <i>Chăm chỉ đi học, ngoan ngoãn nghe lời cô giáo.</i> + <i>Lựa chọn các loại thực phẩm cần thiết cho cơ thể.</i> + <i>Chăm chỉ, biết quan tâm giúp đỡ những người xung quanh.</i> + <i>Quý trọng, biết ơn người lao động</i> + <i>Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định GT, không tự ý qua đường</i> 	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
164	4				
165	5	Trẻ có khả năng đọc biểu cảm bài thơ đồng dao ca dao.			
166	5	Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. Trẻ biết đọc diễn cảm bài thơ, cao dao, đồng dao...			
167	3	Trẻ có thể kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	` Kể lại một vài tình tiết truyện đã được nghe.	1,4,5,6,7,8,9	
168	4	Trẻ có thể kể lại truyện có mở đầu và kết thúc.	` Kể lại truyện đã được nghe (Theo trình tự 5T)		

169		Trẻ có khả năng kể lại chuyện đã được nghe theo trình tự nhất định				
170	5	Trẻ có khả năng ngôn ngữ kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện...trong nội dung truyện.	` Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh	9		
171	3	Trẻ có thể bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	` Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên	5		
172	4	Trẻ có khả năng bắt trước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	` Đóng kịch			
173	5	Trẻ có khả năng đóng được vai của nhân vật trong truyện.				
174	3	Trẻ nói đủ nghe, không nói lí nhí.	` Nói thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	4		
175	4	Trẻ có thể điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.				
176	5	Trẻ có khả năng điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.				
177	3	Trẻ biết sử dụng các từ: "Vâng ạ" "Dạ"; "Thưa"...trong giao tiếp	` Sử dụng một số từ trong giao tiếp với bạn bè và người lớn	4,6		
178	4	Trẻ biết sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cảm ơn, xin lỗi trong giao tiếp.				
179	5	Trẻ biết sử dụng các từ: " cảm ơn"; "Xin lỗi"; "Xin phép"; "Thưa"; "Dạ"; "Vâng"...phù hợp với tình huống.				
180	3	Trẻ có thể đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giữ sách xem tranh.	* 3,4,5T: ` Xem và đọc các loại sách khác nhau. ` Làm quen với cách đọc và viết tiếng việt:	` Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem sách và đọc truyện.	5,8	

181		Trẻ biết chọn sách để xem.	+ Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới.		
182	4	Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. "Đọc" sách theo tranh minh họa ("Đọc vẹt")	+ Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu ` Giữ gìn (Bảo vệ) sách. * 4-5 T:		
183	5	Trẻ có khả năng chọn được sách để "đọc" và xem. Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách	` Phân biệt phần mở đầu kết thúc của sách. ` "Đọc" truyện qua các tranh vẽ.		
184		Trẻ có khả năng "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.			
185	3	Trẻ có thể nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	` Mô tả sự vật, tranh ảnh/ hiện tượng (Có sự giúp đỡ 3T)		
186	4	Trẻ có thể mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.			
187	5	Trẻ có khả năng kể truyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	` Kể truyện theo đồ vật, theo tranh.	6	
188	4	Trẻ nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm...	* 3,4,5T: Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra vào, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ...)	1,7	
189	5	Trẻ nhận ra được ký hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm, lối ra vào, biển báo giao thông...			
190	3	Trẻ thích vẽ, "Viết" nguệch ngoạc.	` Tiếp xúc với chữ, sách truyện.		
191	4	Trẻ có thể sử dụng ký hiệu để "Viết"; tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng...	` Tập tô, tập đồ các nét chữ. ` Nhận dạng một số/các chữ cái. <i>- Giữ gìn sách vở</i>	1,3,4, 5,6,7, 8,9	
192	5	Trẻ nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.	` Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của		

				minh.		
193		Trẻ có khả năng tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.				
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội						
194	3	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	` Tên, tuổi, giới tính	1,2,3		
195	4	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ.				
196	5	Trẻ nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	Vị trí và trách nhiệm của trẻ trong gia đình và lớp học			
197	3	Trẻ nói được điều bé thích, không thích.	` Những điều bé thích, không thích.	2		
198	4	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	` Sở thích, khả năng của bản thân.			
199		Trẻ tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.				
200	5	Trẻ nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được và việc bé không làm được.				
201		Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (Dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).				
202	5	Trẻ biết mình là con/cháu/anh/chị/ em trong gia đình.		` Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học. - <i>Quan tâm đến người thân yêu trong gia đình</i>	1,3	
203		Trẻ biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	` Thực hiện công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)			
204		Trẻ biết tự làm một số việc đơn giản hàng ngày (Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi...)	` Chủ động và độc lập trong một số hoạt động. - <i>Ngăn nắp gọn gàng.</i>	2		

205		Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	Thực hiện thông qua các nội dung giáo dục khác.	1,6	
206	3	Trẻ cố gắng thực hiện công việc đơn giản khi được giao (Chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)			
207	4	Trẻ cố gắng hoàn thành công việc được giao (trục nhật, dọn đồ chơi...)			
208	5	Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao			
209	3	Trẻ nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, tranh ảnh.	`Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận/ngạc nhiên/ xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói /tranh ảnh/ âm nhạc	1	
210	4	Trẻ nhận biết cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ qua tranh, ảnh.			
211	5	- Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc: (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ, <i>nhận biết thái độ, hành vi</i>) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.			
212	3	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	` Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động. ` Yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột	4	
213	4	Trẻ biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	* 4,5 T: ` Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - <i>Biết giúp đỡ những người lao động xung quanh những công việc vừa sức.</i>		
214	5	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	` Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. ` Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.		
215		Trẻ biết an ủi và chia vui	` Mối liên hệ		

		với người thân và bạn bè. <i>Trẻ có thể nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân. khoan dung đoàn kết với bạn bè.</i>	giữ hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác. ` Khả năng và sở thích của bạn bè và người thân	3	
216	3	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	` Kính yêu Bác Hồ	9	
217		Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.			
218	4	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.			
219		Trẻ có khả năng thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.			
220	5	Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc..).			
221		Trẻ có khả năng thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.			
222	4	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn, trò chơi dân gian, bài hát dân ca, nhà ở...) của quê hương Điện Biên	* 3,4,5T: - Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước di tích, đồi A1, tượng đài chiến thắng, Hàm Đờ cát, Đền thờ liệt sỹ) ` Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước (di tích lịch sử 4, 5T) - <i>Trang phục truyền thống của dân tộc, văn hóa truyền thống của dân tộc Thái</i>	6, 9	
223	5	Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn, trò chơi dân gian, bài hát dân ca, nhà ở...) của quê hương Điện Biên,			
224	3	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết xếp, cất đồ chơi, không tranh giành đồ chơi, vâng lời bố mẹ.	* 3, 4, 5T: ` Một số quy định ở lớp và gia đình/và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ/trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường 4,5T). ` Nhận biết/ Phân biệt/Nhận xét và tỏ thái độ	1,3	

225	4	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	với hành vi "Đúng" - "Sai"; "Tốt " - " Xấu". * 3,4T: ` Chờ đến lượt (hợp tác 4T). - <i>Chơi đoàn kết, không tranh dành đồ dùng đồ chơi</i>		
226	5	Trẻ thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi biết cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.			
227	3	Trẻ biết chào hỏi và nói lời cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở.	` Cử chỉ, lời nói lễ phép (Chào hỏi, cảm ơn).		3,6
228	4	Trẻ biết nói lời cảm ơn,	` Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép (lịch sự 5T)		
229	5	xin lỗi, chào hỏi lễ phép			
230	3	Trẻ chú ý nghe khi cô,	` Lắng nghe ý kiến của người khác - <i>Chú ý lắng nghe, quan tâm chia sẻ đến mọi người.</i>		1,2,5, 7,8,9
231	4	bạn nói			
232	5	Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.			
233	3	Trẻ biết cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	` Chơi hòa thuận với bạn.		
234	4	Trẻ biết trao đổi, thỏa thuận với bạn cùng thực hiện hoạt động chung (Chơi, trực nhật..)	` Quan tâm giúp đỡ bạn (Chia sẻ 5T)		4,8
235	5	Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	` Hợp tác với bạn		
236	4	Trẻ biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	` Chờ đến lượt.		7,8
237		Trẻ biết chờ đến lượt.			
238	5	Trẻ biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn (mạnh dạn tự tin bày tỏ ý kiến). (Dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	` Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến. Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.		4
239	3	Trẻ thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	` Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.		5,6
240	4	Trẻ thích chăm sóc cây,			

241	5	con vật quen thuộc.			
242	4	Trẻ không bẻ cành, ngắt hoa.			
243	5	Trẻ biết nhắc nhở người khác giữ gìn vệ sinh môi trường (không vứt rác bừa bãi, bẻ cành...).	` Giữ gìn vệ sinh môi trường. (không nuôi gia súc, gia cầm ở gầm sàn,).	5,6,7	
244	3	Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.		1,5,6,7	
245	4				
246	5				
247	4	Trẻ biết không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	* 3,4,5T: ` Tiết kiệm điện, nước.	3,8	
248	5	Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.			
5. Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ					
249	3	Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng	` Bộc lộ cảm xúc/ bộc lộ cảm xúc phù hợp/ thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc gần gũi và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống <i>- Yêu thiên nhiên gần gũi với thiên nhiên</i>	2,3,4,5,6,7,8,9	
250	4	Trẻ vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.			
251	5	Trẻ tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.			
252	3	Trẻ chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc. thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích			
			` Nghe các bài hát, bản nhạc (nhạc thiếu nhi, dân ca của dân tộc thái...)	1,2,3,4,5,6,7,8,9	

		nghe kể câu chuyện.			
253	4	Trẻ chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.		` Nghe và nhận ra/ nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca/ 5T: nhạc cổ điển)	
254	5	Trẻ chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.	` Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc, nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển, dân ca Thái		
255	3	Trẻ có khả năng hát tự nhiên, hát được giai điệu bài hát quen thuộc.	` 3-4-5T: Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát ` 4-5T: Thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát	1,2,3, 4,5,6, 7,8	
256	4	Trẻ có khả năng hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ...			
257	5	Trẻ có khả năng hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...			
258	3	Trẻ có thể vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo phách, nhịp, vận động minh họa).	` 4-5T: Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của bài hát, bản nhạc. của dân tộc Thái, nhảy sạp.	` Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.	2,3,4, 5,6,7
259	4	Trẻ có khả năng vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa).			
260	5	Trẻ có khả năng vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (Vỗ tay theo các loại tiết tấu,		` Thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc.	

		múa).			
261	3	Trẻ có thể vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	` Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.		
262	4	Trẻ lựa chọn và thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc.	` Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. ` Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.	6,9	
263		Trẻ có khả năng lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.			
264	5	Trẻ có khả năng tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	` Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. ` Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn). - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu bằng dụng cụ âm nhạc sẵn có ở địa phương: quả bầu, ống tre, ống nứa....	5,6,7,8,9	
265		Trẻ có khả năng gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.			
266	3	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi ngắm nhìn vẻ đẹp của tác phẩm nghệ thuật.	1, 2, 3,4,5, 6,7,8, 9	
267	4	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.			
268	5	Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.			
269	3	Trẻ có thể sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	` Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	5,6,7, 8	
270	4	Trẻ có khả năng phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	` Phối hợp/ lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, (5T: phế liệu) để tạo ra các sản phẩm.		

271	5	Trẻ có khả năng phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.			
272	3	Trẻ có thể vẽ các nét thẳng, xiên, ngang tạo thành bức tranh đơn giản.			
273	4	Trẻ có khả năng vẽ phối hợp được các nét xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục.	` Sử dụng một số kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo ra sản phẩm đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét/ 5T: bố cục - <i>Giữ gìn sản phẩm của mình làm xong.</i>	1, 2, 3,4,5, 6,7,8, 9	
274	5	Trẻ có khả năng phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.			
275	3	Trẻ có thể xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	` Sử dụng một số kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét/ 5T: bố cục - <i>Tiết kiệm giấy khi sử dụng. sắp xếp đồ dùng gọn gàng.</i>	1,2,3, 4,5,6, 7,8,9	
276	4	Trẻ có khả năng xé, cắt theo đường thẳng, đường cong, và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.			
277	5	Trẻ có khả năng phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.			
278	3	Trẻ có khả năng lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹp đất nặn để tạo thành các sản phẩm có 1 khối hoặc 2 khối.	` Sử dụng một số kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét/ 5T: bố cục- - <i>Giữ gìn đồ dùng cẩn thận đúng nơi quy định</i>	1, 2, 4,5,6, 8	
279	4	Trẻ có khả năng làm lốm, đồ bột, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết			
280	5	Trẻ có khả năng phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.			
281	3	Trẻ có khả năng xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	` Sử dụng một số kỹ năng/ sử dụng các kỹ năng/ phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản/ có màu sắc, kích thước, hình dáng, đường nét/ 5T: bố cục	1, 2,4	
282	4	Trẻ có khả năng phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.			

283	5	Trẻ có khả năng phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.			
284	3	Trẻ có khả năng nhận xét được các sản phẩm tạo hình.	` Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét, (bố cục 5T)	` 1,2,3 4,5,7, 9	
285	4	Trẻ có khả năng nhận xét được các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.			
286	5	Trẻ có khả năng nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.			
287	3	Trẻ có thể tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	` Tạo ra các sản phẩm đơn giản theo ý thích.	2,4,5,7 , 8,9	
288	4	Trẻ có khả năng nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích.		
289	5		` Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích.		
290	3	Trẻ có khả năng đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	` Đặt tên cho sản phẩm của mình.	7,8,9	
291	4				
292	5				
Tổng: 292 MT (Trong đó: Bé: 84 MT; Nhỡ: 99 MT; Lớn: 109 MT)					

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Nga